



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG
806 Âu Cơ, P.14, Q.TB, TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14.23

CV/VID-HĐQT

TP.HCM, ngày 11 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
- Mã chứng khoán: VID
- Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
- E-mail: info@dautuviendong.vn Website: <https://dautuviendong.vn>
- Nội dung thông tin công bố : Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông xin công bố : Báo cáo thường niên năm 2022
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/04/2023 tại đường dẫn : www.dautuviendong.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Quang Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

“*Viễn Đông vì cộng đồng*”



 Địa chỉ: Số 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

 Số điện thoại: (028) 3842 8633

 Số Fax: (028) 3842 5880

 Website: www.dautuviendong.vn

2022

.....



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG



MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

01

| | |
|------------------------------------|----|
| Thông tin khái quát | 7 |
| Quá trình hình thành và phát triển | 9 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 11 |
| Mô hình quản trị, bộ máy quản lý | 12 |
| Định hướng phát triển | 15 |
| Các yếu tố rủi ro | 19 |

02

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

| | |
|--|----|
| Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 25 |
| Tổ chức và nhân sự | 26 |
| Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án | 33 |
| Báo cáo phát triển bền vững | 39 |
| Tình hình tài chính | 41 |
| Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 45 |

03

PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| | |
|---|----|
| Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh | 49 |
| Tình hình tài chính | 51 |
| Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 53 |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai | 53 |

04

PHẦN 4 : ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | |
|--|----|
| Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty | 57 |
| Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc | 58 |
| Các kế hoạch, định hướng của HĐQT | 60 |

05

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | |
|--|----|
| Hội đồng quản trị | 63 |
| Ban Kiểm soát | 71 |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, | |
| Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát | 76 |

06

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| | |
|-----------------------------|----|
| Ý kiến kiểm toán | 89 |
| Báo cáo tài chính kiểm toán | 91 |

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các yếu tố rủi ro





“Dù ở trong bất kỳ bối cảnh xã hội nào, chúng tôi vẫn tin tưởng một cách xác tín rằng doanh nghiệp vẫn luôn có thể kinh doanh bằng sự TỰ TẾ, giữ vững tâm thế người KIẾN TẠO và dựa trên một nền tảng CHÍNH TRỰC. Thông điệp “VIỄN ĐÔNG - VI CỘNG ĐỒNG” muốn nhắn gửi rằng công ty vốn chưa bao giờ là một cá thể độc lập. Chúng tôi tồn tại để lan tỏa và cộng hưởng các giá trị nhằm tạo ra những điểm tác động lớn hơn, nhắm đến những vấn đề nhức nhối hơn và mong muốn góp phần gây dựng một thế hệ trẻ Việt Nam sống đoàn kết và đầy thao thức phụng sự Đất Nước.”

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG
Tên tiếng Anh : VIEN DONG INVESTMENT DEVELOPMENT TRADING CORPORATION
Tên viết tắt : VIDON CORP
Mã chứng khoán : VID
Sàn niêm yết : HOSE
Giấy chứng nhận ĐKDN số : Số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 24/10/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 05/08/2022

Vốn điều lệ : 408.360.690.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 408.360.690.000 đồng
Trụ sở chính : Số 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại : (028) 3842 8633
Số fax : (028) 3842 5880
Website : www.dautuviendong.vn
Công ty kiểm toán độc lập : Công ty TNHH PKF Việt Nam - Chi nhánh TPHCM

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty chính thức được thành lập vào ngày 15/04/1974 với tên gọi Viễn Đông Kỹ nghệ Giấy Công ty (VIDOGICO).

Ngày 25/12/2006, Công ty chính thức được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VID.

Hoàn thành cơ bản việc tái cơ cấu doanh nghiệp và tái cơ cấu tài chính, chuyển đổi doanh nghiệp theo mô hình holdings.

Công ty đã tận dụng cải tạo và sửa chữa các hạng mục công trình hiện có trở thành Trường trung học phổ thông Việt Mỹ Anh địa chỉ tại 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình và chính thức đưa trường vào hoạt động từ tháng 08/2019

Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 15%. Tăng vốn điều lệ từ 308,8 tỷ đồng lên 355,1 tỷ đồng.

Năm 1974

Năm 2000

Năm 2006

Năm 2009

Năm 2017

Năm 2018

Năm 2019

Năm 2020

Năm 2021

Năm 2022

Làn gió đổi mới toàn diện và cổ phần hóa theo chủ trương của nhà nước một cách hiệu quả đã giúp cho Công ty Viễn Đông vươn lên mạnh mẽ, trở thành doanh nghiệp có uy tín cao đối với khách hàng trong và ngoài nước.

Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Viễn Đông.

Nâng cao công tác quản trị, Công ty đã bầu cử bổ sung thành viên độc lập HĐQT. Ngoài ra, nhằm kiện toàn hệ thống pháp lý, quy định pháp luật và cải tiến bộ máy quản lý, Công ty đã thực hiện sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 10%. Tăng vốn điều lệ từ 280,7 tỷ đồng lên 308,8 tỷ đồng.

Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 15%. Tăng vốn điều lệ từ 355,1 tỷ đồng lên 408,36 tỷ đồng.

Trong năm Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm tài chính 2017 với tỷ lệ 20% (bao gồm 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu).

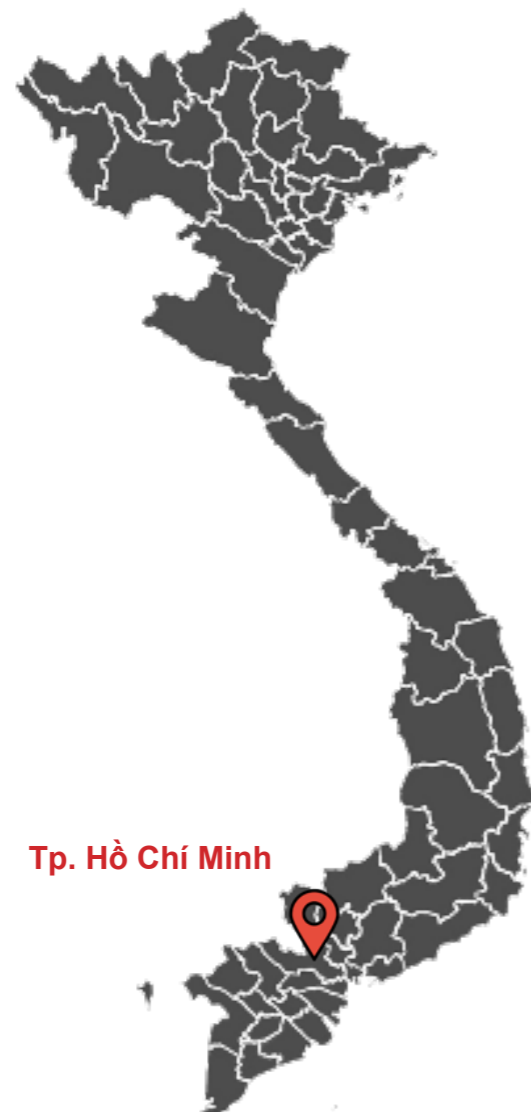
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm từ giấy;
- Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết;
- Giáo dục các bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Giáo dục hướng nghiệp tâm lý học đường.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Địa bàn kinh doanh cũng như thị trường mà Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông đang hoạt động hiện nay trải dài từ các tỉnh miền trung vào miền nam. Trong đó, địa bàn hoạt động trọng điểm của Công ty là tại TP. Hồ Chí Minh.



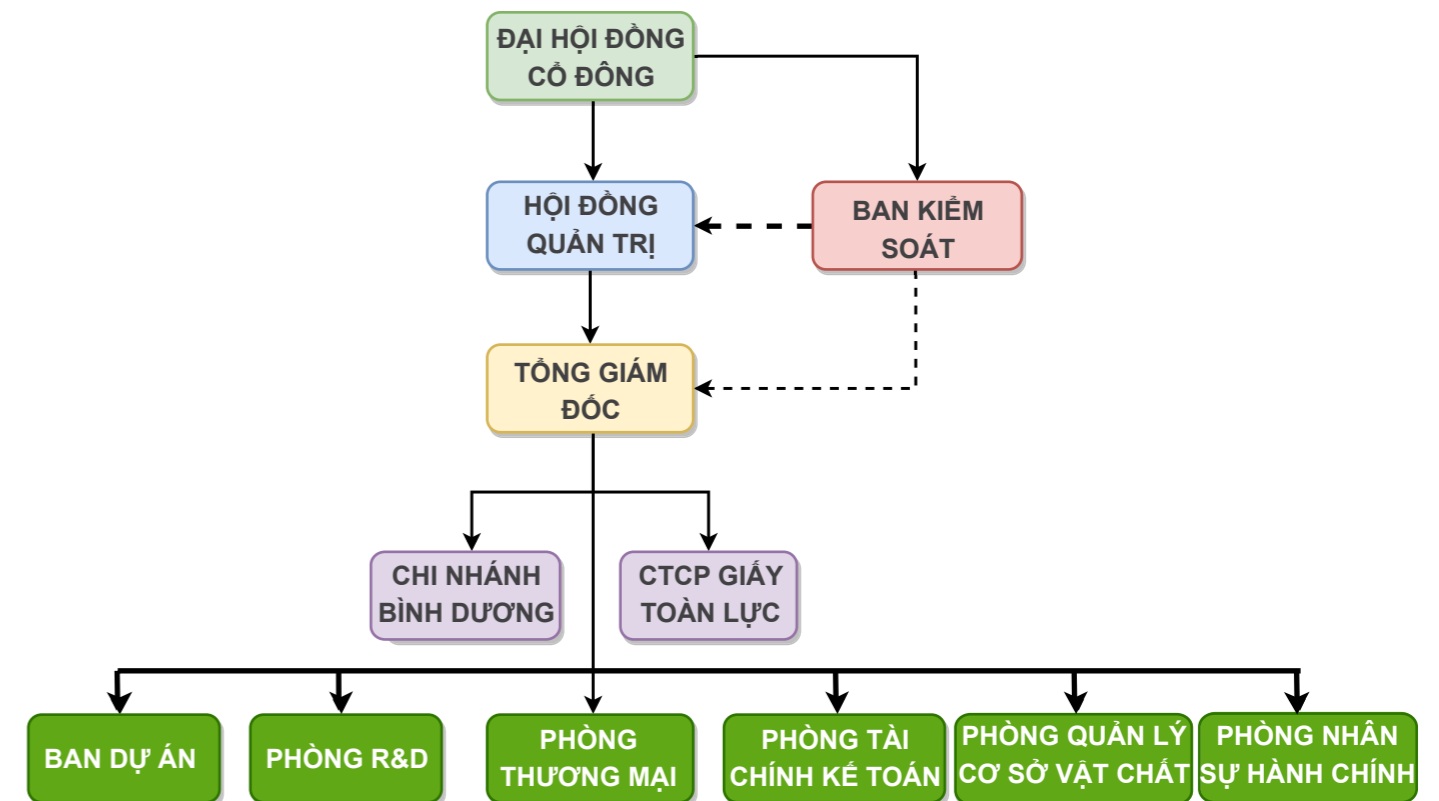
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, mô hình quản trị công ty gồm:

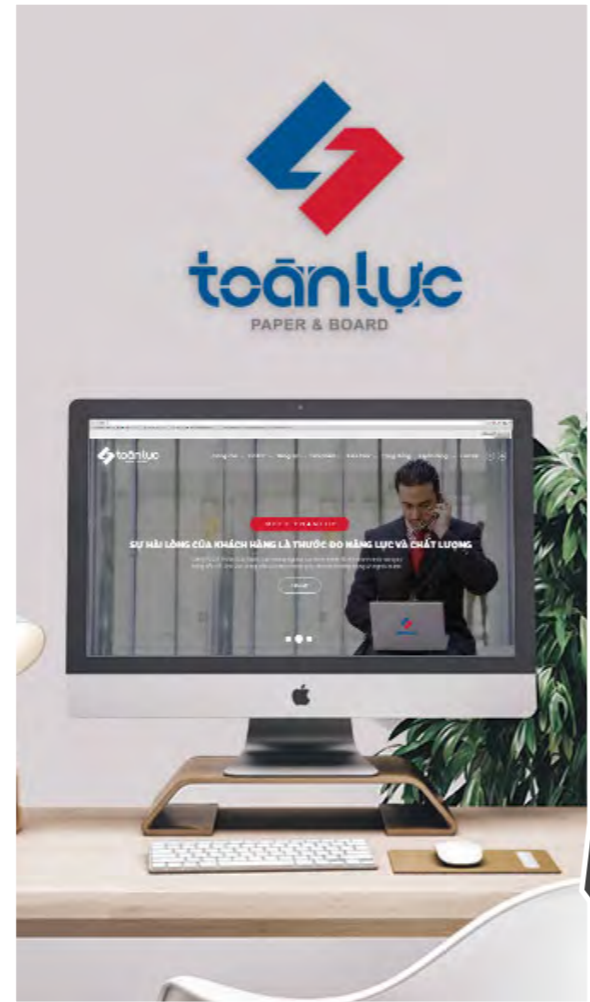
- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

| STT | Tên Công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực SXKD chính | VĐL thực góp (Đồng) | Tỷ lệ sở hữu của VID |
|----------------------|--------------------|---|---------------------------|---------------------|----------------------|
| I CÔNG TY CON | | | | | |
| 1 | CTCP Giấy Toàn Lực | Lô A2-8, Đường N5, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh | Thương mại xuất nhập khẩu | 124.923.656.500 | 51,03% |



| STT | Tên Công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực SXKD chính | VĐL thực góp (Đồng) | Tỷ lệ sở hữu của VID |
|----------------------------|-------------------------------------|--|--|---------------------|----------------------|
| II CÔNG TY LIÊN KẾT | | | | | |
| 1 | CTCP Ấn Tượng Việt | Lầu 2, số 84, KP4, Đường 30-4, P.Quyết Thắng, Biên Hoà, ĐN | KD khu du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, hoạt động bảo tồn, bảo tàng, tổ chức sự kiện, giáo dục văn hóa nghệ thuật. | 30.000.000.000 | 30% |
| 2 | CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | 102A Phó Cơ Điều, P.4, Quận 11, TP.HCM | Văn hóa, giáo dục | 33.745.517.000 | 33,27% |
| 3 | CTCP Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | 29 Phan Đình Phùng, Q.Ninh Kiều, Cần Thơ | Làm đại lý mua bán vật tư văn hóa thông tin, VPP, Mỹ phẩm tặng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi trẻ em và cho thuê văn phòng. | 14.841.400.000 | 32,98% |
| 4 | CTCP Đầu tư Phát triển Hoàng Việt | 252 Lạc Long Quân, P10, Quận 11, TP.HCM | Giáo dục mầm non, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, đào tạo ngoại ngữ và tin học. | 49.232.000.000 | 28,33% |
| 5 | CTCP Chè Minh Rồng | Khu 1B, TT Lộc Thắng, Huyện Bảo Lâm, Lâm Đồng | Trồng, Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu chè, cà phê, nông sản, chăn nuôi bò sữa. | 4.749.311.440 | 27,04% |



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH



TÂM NHÌN

Với phương châm Giáo dục là nền móng cho sự phát triển bền vững của một quốc gia, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông luôn phấn đấu trở thành một tổ chức đầu tư có uy tín nhất trong lĩnh vực phát triển hạ tầng và công nghệ có liên quan đến Giáo dục. Chúng tôi tin rằng giá trị lớn nhất của xã hội nằm ở con người, sự tương tác quan trọng nhất là giữa người với người và tương lai của một đất nước phụ thuộc vào những con người trẻ.



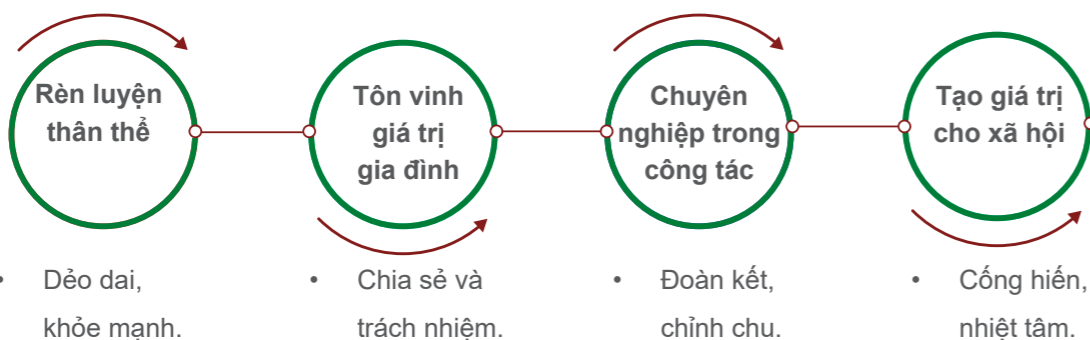
SỨ MỆNH

Với phương châm Giáo dục là nền móng cho sự phát triển bền vững của một quốc gia, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông luôn phấn đấu trở thành một tổ chức đầu tư có uy tín nhất trong lĩnh vực phát triển hạ tầng và công nghệ có liên quan đến Giáo dục. Chúng tôi tin rằng giá trị lớn nhất của xã hội nằm ở con người, sự tương tác quan trọng nhất là giữa người với người và tương lai của một đất nước phụ thuộc vào những con người trẻ.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Trên tinh thần đề cao sự cộng tác, tính chuyên nghiệp và thể hiện được thông điệp sứ mệnh quan trọng của công ty: “Vi Cộng Đồng”, tất cả những hoạt động của chúng tôi nhấn mạnh vào 4 giá trị cốt lõi:



MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



Các mục tiêu chủ yếu để hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững dài hạn của công ty, bao gồm:

XÂY DỰNG VÀ GIỮ VỮNG THƯƠNG HIỆU

- Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài, vững chắc.

TRỞ THÀNH CÔNG TY HOLDINGS

- Tiếp tục chuyển đổi hoạt động doanh nghiệp gắn kết với tái cơ cấu tài chính, để trở thành một công ty holdings ngày càng lớn mạnh.

ĐẨY MẠNH ĐẦU TƯ

- Soát xét các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty con và các Công ty liên kết, tăng cường hiệu quả đầu tư. Đẩy mạnh đầu tư vào các Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực giáo dục với nhiều tiềm năng phát triển, tỷ suất lợi nhuận cao và ổn định lâu dài

PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

- Duy trì và phát triển văn hoá doanh nghiệp, thương hiệu Viễn Đông trên thị trường Việt Nam và các nước trong khu vực.

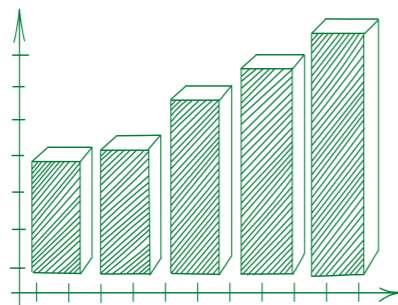
TÔN TRỌNG VÀ BẢO ĐẢM QUYỀN LỢI

- Tôn trọng và bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của cổ đông, nhà đầu tư: công bố thông tin về hoạt động Đầu tư-Kinh doanh-Tài chính theo quy định của pháp luật.



**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRUNG VÀ DÀI HẠN**

- ✔ Tập trung đầu tư vào phát triển giáo dục và ngành kinh doanh giấy dựa trên kinh nghiệm và nguồn lực tích lũy sẵn có
- ✔ Cải tiến phương pháp quản lý trong điều hành kinh doanh, ứng dụng công nghệ thông tin, thiết lập mô hình văn phòng sáng tạo, tối thiểu hóa chi phí quản lý, đồng bộ hóa bộ máy quản lý và các bộ phận chức năng.
- ✔ Tăng cường quan hệ liên kết – hợp tác hiện hữu với các doanh nghiệp, đồng thời tích cực tìm kiếm các nhà đầu tư và cung cấp mới có uy tín trong và ngoài nước.
- ✔ Tập trung phát triển chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng suất và hiệu quả công việc gắn liền với chế độ lương thưởng, phúc lợi và sự thăng tiến của cán bộ nhân viên.



MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

*“Với tinh thần **Viễn Đông - Vi cộng đồng**, công ty nhận thức và cam kết rằng, tất cả hoạt động của công ty đều liên quan đến trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng, là phần không thể tách rời trong hệ thống quản lý và văn hóa công ty.”*



MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

- Công ty thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế sử dụng các sản phẩm nguyên liệu, vật liệu có thành phần độc hại.
- Tăng cường sử dụng nguyên liệu xanh, tận dụng các sản phẩm tái chế, tham gia vào hoạt động ủng hộ, tuyên truyền vì môi trường.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- Trong suốt hành trình hình thành và phát triển, phù hợp với định hướng chiến lược chia sẻ giá trị với các bên liên quan, Công ty đã và đang triển khai hàng loạt các hoạt động gắn liền với trách nhiệm cộng đồng. Để xây dựng một cộng đồng vững mạnh, Công ty không ngừng hợp tác tích cực với các cơ quan chính quyền địa phương, các đối tác, người dân địa phương nhằm nâng cao nhận thức và phát triển năng lực cộng đồng.
- Trách nhiệm xã hội của Công ty còn được thể hiện qua việc quan tâm đến môi trường làm việc và chế độ phúc lợi dành cho nhân viên, nhằm tạo việc làm ổn định, phát triển kinh doanh bền vững, xây dựng cuộc sống hạnh phúc cho đội ngũ nhân viên, bởi đội ngũ nhân sự không chỉ là tài sản đáng quý của Công ty, mà còn là tài sản quan trọng của toàn xã hội.
- Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng: Bên cạnh sự phối hợp xuyên suốt với các tổ chức, đối tác uy tín, các hoạt động thiện nguyện của Công ty nhận được sự tham gia đồng đảo của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, nhân viên, cùng nhau chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển và ổn định.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Theo Tổng cục Thống kê, GDP Việt Nam năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022 khi nền kinh tế được khôi phục trở lại sau thời kỳ khủng hoảng Covid-19. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này một phần nhờ hiệu ứng mức nền thấp của năm trước. Trong khi đó, tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu chậm lại từ Quý 4/2022 do chính sách tiền tệ thắt chặt, nhu cầu xuất khẩu suy yếu và thị trường trái phiếu, bất động sản gặp khó khăn. Cả năm 2022, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 143,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 19,5%; bình quân một tháng có 11,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, phản ánh tình trạng khó khăn chung của nền kinh tế.

Hoạt động trong lĩnh vực đầu tư về các sản phẩm về giấy và giáo dục, Viễn Đông chịu ảnh hưởng ít nhiều của các biến động vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất... đặc biệt nhu cầu về các sản phẩm về giấy, về giáo dục và các chính sách đổi mới giáo dục của Chính phủ trong tương lai ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Nhằm hạn chế tác động của rủi ro kinh tế đến hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát, đánh giá thị trường để chủ động, kịp thời đưa ra các chính sách phù hợp và linh hoạt trước các diễn biến tiêu cực có thể xảy ra trên thị trường.



RỦI RO TỶ GIÁ

Trong năm 2021, nhằm phục hồi nền kinh tế sau ảnh hưởng của dịch Covid-19, các quốc gia trên thế giới phải kích cầu nền kinh tế bằng cách bơm một lượng tiền lớn ra thị trường khiến cho lạm phát tại nhiều quốc gia trong đó có nhiều nước lớn tăng mạnh khiến các quốc gia này phải thay đổi chính sách tiền tệ từ nới lỏng sang thắt chặt. Cụ thể trong năm 2022, Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) liên tục tăng lãi suất mục tiêu để đối phó với lạm phát. Sau FED, nhiều NHTW của các quốc gia lớn trên thế giới đang có xu hướng đẩy nhanh thắt chặt tiền tệ khi tăng lãi suất nhanh với biên độ lớn. Cùng với đó, thị trường ngoại hối quốc tế cũng biến động mạnh theo diễn biến đà tăng giá của đồng USD đã gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất và tỷ giá của Việt Nam, gây khó khăn cho Công ty trong việc dự báo và đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Đối với hoạt động xuất nhập khẩu giấy tại Công ty con mà Viễn Đông đang đầu tư, do phải nhập khẩu nhiều nguyên liệu từ nước ngoài và xuất khẩu sản phẩm sang nhiều thị trường khác nhau, việc biến động của tỷ giá, đặc biệt là tỷ giá VND/USD đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến quyết định, chính sách mua bán và tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty.

Trong bối cảnh biến động khó lường của thị trường và các chính sách thắt chặt tiền tệ của các quốc gia, dự báo về biến động tỷ giá trở nên khó khăn hơn, đặt ra thách thức cho hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty đã có các biện pháp ứng phó như theo dõi thường xuyên các biến động thị trường và phối hợp với Công ty con, đồng thời đưa ra các giải pháp kịp thời để hạn chế rủi ro về tỷ giá.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO



RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Viễn Đông tập trung vào hai lĩnh vực kinh doanh chính là thương mại giấy và đầu tư giáo dục. Trong lĩnh vực thương mại giấy, Công ty gặp phải khó khăn khi giá nguyên liệu đầu vào tăng cao. Để ứng phó với rủi ro trên, Viễn Đông đã áp dụng các chính sách tồn kho một cách linh hoạt. Bên cạnh đó, Viễn Đông luôn duy trì mối quan hệ hợp tác bền chặt với các nhà cung cấp nhằm đảm bảo được sự ổn định của nguồn cung phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Rủi ro môi trường là một trong những vấn đề trọng yếu đang được quan tâm và tác động đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là trong lĩnh vực giấy mà Công ty đang thực hiện đầu tư tại Công ty con.

Viễn Đông đã chú trọng đến vấn đề môi trường và thực hiện tốt các quy định và quy chuẩn của pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Điều này cho thấy sự cam kết của công ty đối với bảo vệ môi trường và củng cố uy tín và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong tương lai.



RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Các yếu tố không mong đợi như chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai và dịch bệnh đều có thể được coi là những rủi ro tiềm ẩn đối với Công ty. Dù chúng không xảy ra thường xuyên, tuy nhiên khi xảy ra thì có thể gây ra những thiệt hại nghiêm trọng đến nhân sự và tài sản của công ty.

Vi vậy, để giảm thiểu thiệt hại khi rủi ro xảy ra, công ty đã đưa ra các phương án dự phòng cụ thể. Việc thực hiện các biện pháp dự phòng giúp công ty tránh được những thiệt hại không đáng có và giữ cho hoạt động kinh doanh luôn được duy trì ổn định.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Viễn Đông chịu sự ảnh hưởng và chi phối của các văn bản pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Thương mại,... các Nghị định, Thông tư và các văn bản luật pháp liên quan khác. Bên cạnh đó, Công ty còn hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nên phải chịu sự quản lý theo Luật Giáo dục.

Những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, từng bước mở rộng và hội nhập với thị trường ngày một năng động của thế giới. Nhằm bắt kịp xu thế chung và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, hệ thống luật pháp Việt Nam cũng đang trong quá trình cập nhật và hoàn thiện. Các quy định, chế tài cũng ngày một cụ thể và chặt chẽ hơn, đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

Công ty luôn có ý thức chủ động cập nhật và tìm hiểu thông tin pháp lý liên quan đến nền kinh tế và đặc thù ngành, để chủ động điều chỉnh cơ chế vận hành cho phù hợp với pháp luật của Nhà nước, tránh những rủi ro đáng tiếc có thể tác động xấu đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.



PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022



- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Báo cáo phát triển bền vững
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

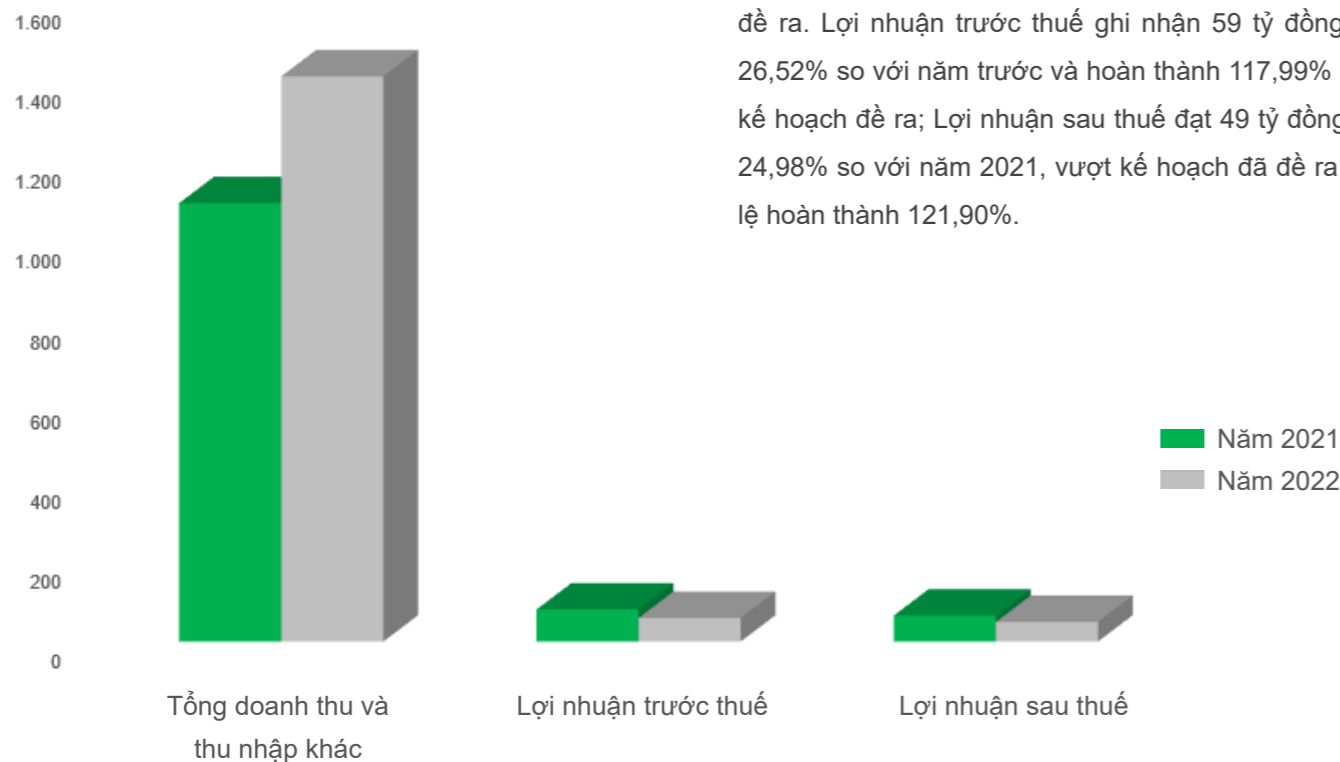
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2022

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | TH 2021 | TH 2022 | KH 2022 | (%) TH2022/ KH2022 | % (+/-) TH 2022/ TH 2021 |
|------------------------------------|---------|---------|---------|-----------------------|-----------------------------|
| Tổng doanh thu và thu nhập khác | 1.096 | 1.413 | 1.150 | 122,86% | 28,95% |
| Lợi nhuận trước thuế | 80 | 59 | 50 | 117,99% | -26,52% |
| Lợi nhuận sau thuế | 65 | 49 | 40 | 121,90% | -24,98% |
| Tỷ suất LNST/doanh thu thuần(%) | 6,11% | 3,52% | - | - | -42,47% |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/CP) | 1.058 | 669 | 1.126 | 59,41% | -36,77% |

Năm 2022 là năm đầu tiên thế giới mở cửa trở lại sau đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế nhiều nước đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách do lạm phát tăng cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất tăng cao liên tục... Bên cạnh đó, các rủi ro địa chính trị và Trung Quốc chỉ mới nới lỏng các biện pháp phòng chống Covid vào cuối năm 2022 khiến hoạt động kinh tế chưa thể hồi phục mạnh và rủi ro suy thoái tiếp tục đứng ở mức cao. Trong nước, nền kinh tế có thể tăng trưởng chậm lại và hoạt động sản xuất của nhiều ngành nghề bị thu hẹp đáng kể.

Ban lãnh đạo Công ty đã luôn theo sát các biến động của thị trường thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong kinh doanh và tối đa hóa hiệu quả đầu tư. Với sự hỗ trợ của Cổ đông, Khách hàng và nỗ lực vượt bậc của toàn thể CBNV Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ giao phó. Theo đó, tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty năm 2022 đạt 1.413 tỷ đồng tăng 28,95% so với thực hiện năm 2021 và hoàn thành 122,86% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 59 tỷ đồng giảm 26,52% so với năm trước và hoàn thành 117,99% so với kế hoạch đề ra; Lợi nhuận sau thuế đạt 49 tỷ đồng giảm 24,98% so với năm 2021, vượt kế hoạch đã đề ra với tỷ lệ hoàn thành 121,90%.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu (Cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|-------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|------------------|
| 1 | Ông Bùi Quang Minh | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 501.604 | 1,23% |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Thu | Phó Tổng Giám đốc | 2.914.773 | 7,14% |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên | Kế toán trưởng | 1.745.667 | 4,27% |

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



BÙI QUANG MINH
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THU
Phó Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN
Kế toán trưởng

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



BÙI QUANG MINH
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

| | |
|--|--|
| Ngày sinh | 24/01/1986 |
| Địa chỉ thường trú | 3 Trần Quý Khoách , P. Tân Định , Q. 1 , TPHCM |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh |
| Quá trình công tác | |
| Từ 2008 đến 2013 | Trợ lý HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 2013 đến 2015 | Phó Giám đốc Điều hành - Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Bao bì MM Vidon |
| Từ 10/2015 đến nay | Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy Toàn Lực |
| Từ 08/2016 đến 04/2022 | Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 04/2022 đến nay | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy Toàn Lực |
| Số cổ phần nắm giữ | 501.604 cổ phần, chiếm 1,23% Vốn điều lệ. |

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

| Tên | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu |
|-------------------|-------------|---|
| Ông Bùi Quang Mẫn | Cha | 6.736.924 cổ phần, chiếm 16,49% Vốn điều lệ |
| Bà Nguyễn Thị Thu | Mẹ | 2.914.773 cổ phần, chiếm 7,14% Vốn điều lệ |



NGUYỄN THỊ THU
Phó Tổng Giám đốc

| | |
|--|--|
| Ngày sinh | 12/01/1959 |
| Địa chỉ thường trú | 3 Trần Quý Khoách , P. Tân Định , Q. 1 , TPHCM |
| Trình độ chuyên môn | Đại học Kinh tế , Cử nhân quản lý kinh tế |
| Quá trình công tác | |
| Từ 2004 đến 2006 | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Giấy Viễn Đông |
| Từ 2006 đến 04/2022 | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 2008 đến nay | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Thương mại Toàn Lực |
| Từ 04/2022 đến nay | Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Thương mại Toàn Lực |
| Số cổ phần nắm giữ | 2.914.773 cổ phần, chiếm 7,14% Vốn điều lệ. |
| Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan | |

| Tên | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu |
|--------------------------|----------------------|---|
| Ông Bùi Quang Mẫn | Chồng | 6.736.924 cổ phần, chiếm 16,49% Vốn điều lệ |
| Ông Bùi Quang Minh | Con | 501.604 cổ phần, chiếm 1,23% Vốn điều lệ |
| CTCP Thương mại Toàn Lực | Tổ chức có liên quan | 3.230.053 cổ phần, chiếm 7,91% Vốn điều lệ |

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN
Kế toán trưởng

| | |
|--|--|
| Ngày sinh | 02/07/1977 |
| Địa chỉ thường trú | 81/1/2 Huỳnh Mẫn Đạt , P 19 , Q Bình Thạnh , TPHCM |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | |
| Từ 2001 đến 2009 | Nhân viên phòng Tài chính kế toán CTCP Thương mại Toàn Lực |
| Từ 2010 đến 2016 | Kế toán trưởng CTCP Thương mại Toàn Lực |
| Từ 2017 đến 09/2019 | Kế toán trưởng CTCP Giấy Toàn Lực |
| Từ 11/2020 đến nay | Phó Giám đốc tài chính CTCP Giấy Toàn Lực |
| Từ 10/2019 đến nay | Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Phó giám đốc tài chính CTCP Giấy Toàn Lực |
| Số cổ phần nắm giữ | 1.745.667 cổ phần, chiếm 4,27% Vốn điều lệ |
| Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan | |

| Tên | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu |
|----------------------|-------------|---|
| Ông Nguyễn Minh Hùng | Chồng | 17.000 cổ phần, chiếm 0,04% Vốn điều lệ |

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022

| Thành viên | Chức vụ | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------|-------------------|-----------------|
| Ông Bùi Quang Khoa | Phó Tổng giám đốc | 28/04/2022 |

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính đến ngày 31/12/2022

| STT | Tính chất phân loại | Năm 2021 | | Năm 2022 | |
|------------------|--|------------------|--------------|------------------|--------------|
| | | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
| A | Theo trình độ | 28 | 100% | 23 | 100% |
| 1 | Trình độ Đại học và trên Đại học | 20 | 71% | 15 | 65% |
| 2 | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 4 | 14% | 5 | 22% |
| 3 | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 4 | Lao động phổ thông | 4 | 14% | 3 | 13% |
| B | Theo thời hạn HĐLĐ | 28 | 100% | 23 | 100% |
| 1 | Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 2 | Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm | 3 | 11% | 3 | 13% |
| 3 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 25 | 89% | 20 | 87% |
| C | Theo giới tính | 28 | 100% | 23 | 100% |
| 1 | Nam | 15 | 54% | 16 | 70% |
| 2 | Nữ | 13 | 46% | 7 | 30% |
| Tổng cộng | | 28 | 100% | 23 | 100% |

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

“Nguồn nhân lực đóng vai trò hạt nhân trong chiến lược phát triển bền vững của Viễn Đông. Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, lành nghề sẽ giúp Công ty duy trì lợi thế và đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, đảm bảo công việc ổn định, chăm lo các chế độ, chính sách và đảm bảo chất lượng cuộc sống của người lao động cũng là cách thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Công tác đào tạo luôn được Công ty chú trọng, nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn của người lao động, phát triển nguồn nhân lực. Năm 2022, Viễn Đông đã tổ chức nhiều khóa đào tạo, cho toàn bộ CBCNV Công ty cho thấy mức độ quan tâm của Công ty đến hoạt động phát triển nguồn nhân lực này. Một số khóa đào tạo tiêu biểu Công ty đã tổ chức như sau:

- Tiếng Anh cho nhân sự (Trung tâm anh ngữ Lĩnh Nam (luyện thi IELTS), trung tâm Ngoại ngữ không gian (các lớp luyện kỹ năng cơ bản), trung tâm IELTS Vetop (luyện IELTS) và trung tâm tiếng anh Giao tiếp (luyện giao tiếp người bản xứ), các khóa luyện thi TOEIC).
- Huấn luyện kỹ năng: Quản trị Cuộc đời.
- Các khóa chuyên môn Phân Công Phân nhiệm.
- Luyện giọng với khóa Speak to Shine (Sun And Moon).

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.

Để đảm bảo đáp ứng nhân lực một cách kịp thời và đầy đủ, Công ty có chính sách tuyển dụng thỏa đáng, phù hợp với mặt bằng kinh tế - xã hội, đặc điểm ngành nghề và nhu cầu nhân lực. Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo kế hoạch thường niên và bất thường, dựa trên: (1) Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; (2) Tình hình thực tế về nhân lực tại các bộ phận; (3) Nhu cầu thay thế lao động thôi việc hoặc hưu trí.



VIỆC LÀM - MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Viễn Đông sử dụng lao động trên cơ sở tự nguyện, dân chủ và tuân thủ các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Ban lãnh đạo Công ty và đại diện tập thể lao động cùng ký kết thỏa ước lao động tập thể, và các quyết định liên quan đến người lao động được đưa ra thảo luận và thống nhất tại hội nghị người lao động hoặc các cuộc đối thoại trực tiếp định kỳ.

Môi trường làm việc tốt sẽ phát huy tối đa năng lực chuyên môn và khả năng sáng tạo của nhân viên, góp phần nâng cao năng suất lao động. Hiểu được điều đó, Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, nơi mà môi người lao động đều cảm thấy là một phần của Công ty.



VỀ LƯƠNG, THƯỜNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng chế độ chính sách, phúc lợi hợp lý cho toàn thể CBCNV. Trong đó, Quý khen thưởng và phúc lợi được Công ty trích lập theo đúng các quy định pháp luật. Viễn Đông cũng nỗ lực điều chỉnh lương của toàn thể CBCNV một cách cạnh tranh so với trong ngành và thị trường, giúp người lao động có thể yên tâm công tác và gắn bó với Công ty.

Dù là một năm khó khăn, nhưng Ban lãnh đạo đã nỗ lực hết mình để duy trì mức lương bình quân tại Công ty là 12,13 triệu đồng/tháng, tăng hơn 33% so với năm 2021. Đây là một minh chứng rõ ràng cho thấy cam kết của Công ty trong việc đảm bảo đời sống cho người lao động.



THU NHẬP BÌNH QUÂN QUA CÁC NĂM

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
|---|----------|----------|----------|
| Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 11,67 | 9,07 | 12,13 |

Hàng năm, Công ty đều lựa chọn đơn vị uy tín để tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV. CBCNV của Viễn Đông đều được tham gia Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm sức khỏe. Các chi phí bảo hiểm này luôn duy trì chi trả qua các năm cho thấy mối quan tâm rất lớn của Ban lãnh đạo Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng đặc biệt chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động chẳng hạn như: Tổ chức các buổi tham quan nhà máy bia ở Tiền Giang, công ty Yakul, công ty TAV; Tổ chức các giải chạy (Night run, HCMC Marathon, Chương trình thi nấu ăn, Hội thao) và một số chương trình sự kiện hàng tháng tại Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN



Trong năm 2022, Công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn. Theo đó, Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư thêm vào các công ty liên kết cụ thể đầu tư thêm vào CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt với số tiền đầu tư thêm là 5.967.000.000 đồng.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY TOÀN LỰC

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2021 | Thực hiện 2022 | (+/-) %2022/ 2021 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|-------------------|
| Tổng tài sản | 876.420 | 914.615 | 4% |
| Doanh thu thuần | 1.022.408 | 1.269.345 | 24% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 74.265 | 56.589 | -24% |
| Lợi nhuận trước thuế | 76.322 | 56.802 | -26% |
| Lợi nhuận sau thuế | 61.036 | 46.567 | -24% |

Kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực năm 2022 tăng trưởng cụ thể Tổng tài sản đến 31/12/2022 đạt 915 tỷ đồng tăng 4 % so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2022 đạt 47 tỷ đồng giảm 24% so với năm 2021.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ MINH RỒNG

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2021 | Thực hiện 2022 | (+/-) %2022/ 2021 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|-------------------|
| Tổng tài sản | 59.668 | 59.814 | - |
| Doanh thu thuần | 1.502 | 1.502 | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 1.842 | 1.447 | -21% |
| Lợi nhuận trước thuế | 669 | 446 | -33% |
| Lợi nhuận sau thuế | 384 | 123 | -68% |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ DỊCH VỤ VĂN HÓA TÂY ĐÔ

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2021 | Thực hiện 2022 | (+/-) %2022/ 2021 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|-------------------|
| Tổng tài sản | 58.234 | 74.261 | 28% |
| Doanh thu thuần | 168.687 | 147.119 | -13% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 2.420 | 2.760 | 14% |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.873 | 3.180 | 11% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.328 | 2.467 | 6% |

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2021 | Thực hiện 2022 | (+/-) %2022/ 2021 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|-------------------|
| Tổng tài sản | 185.441 | 209.847 | 13% |
| Doanh thu thuần | 108.994 | 166.323 | 53% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 31.876 | 25.669 | -19% |
| Lợi nhuận trước thuế | 35.491 | 25.788 | -27% |
| Lợi nhuận sau thuế | 34.089 | 24.842 | -27% |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG VIỆT

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2021 | Thực hiện 2022 | (+/-) %2022/ 2021 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|-------------------|
| Tổng tài sản | 137.528 | 217.577 | +58% |
| Doanh thu thuần | 90.357 | 148.562 | +64% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | - 4.281 | 43.805 | - |
| Lợi nhuận trước thuế | - 4.125 | 43.182 | - |
| Lợi nhuận sau thuế | - 4.579 | 39.051 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁN TƯỢNG VIỆT

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2021 | Thực hiện 2022 | (+/-) %2022/ 2021 |
|--------------|----------------|----------------|-------------------|
| Tổng tài sản | 100.012 | 100.012 | - |



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Phát thải khí nhà kính trực tiếp

Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh giấy thì lượng phát thải trong sản xuất là đáng kể. Để giảm thiểu phát thải khí nhà kính trực tiếp công ty đã lên kế hoạch tính toán số lượng sản xuất cũng như đầu tư vào các thiết bị, máy móc hiện đại giúp tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu đầu vào. Cùng với đó, Viễn Đông cũng thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc định kỳ nhằm tránh những sai sót.

Phát thải khí nhà kính gián tiếp

Đối với lĩnh vực giáo dục thì lượng phát thải nhà kính không nhiều. Tuy nhiên, lượng phát thải chủ yếu là từ chất thải rắn sinh hoạt tại căn tin, phòng học, sân trường,... Bên cạnh đó, lượng phát thải còn đến từ việc sử dụng các thiết bị làm mát như máy điều hòa nhiệt độ mà tiêu thụ nhiều năng lượng.

Do đó, Ban lãnh đạo công ty đã đề ra các giải pháp nhằm giảm thiểu lượng phát thải bằng cách bố trí số lượng thùng rác đầy đủ ở khắp khuôn viên các cơ sở giáo dục đồng thời thực hiện các chiến dịch tuyên truyền, giáo dục ý thức về việc phân loại rác. Bên cạnh đó, Viễn Đông còn thực thi các chính sách tiết kiệm năng lượng như tắt các thiết bị điện như máy lạnh, máy chiếu,... khi không sử dụng cũng như khi ra về, kiểm tra đồng hồ điện, hóa đơn điện xem có biến động bất thường,...

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng. Tất cả các văn phòng, nhà máy của Công ty đều áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ. Bên cạnh đó, việc truyền thông nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên.

Năm 2022, các con số về năng lượng được tiêu thụ để phục vụ cho quá trình kinh doanh ở Viễn Đông như sau:

Tổng lượng điện tiêu thụ (kwh): 178.383 kwh

Tổng khối lượng nước tiêu thụ toàn khu năm 2022: 18.107 m³



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty cam kết tuân thủ tất cả các quy chế, quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ và phát triển môi trường bền vững. Năm 2022, tại Viễn Đông đã không xảy ra trường hợp vi phạm pháp luật nào về môi trường, **tổng số tiền bị phạt do vi phạm các vấn đề về môi trường là 0 đồng.**

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Định kỳ hàng năm, Công ty mua đầy đủ bảo hiểm y tế, khám sức khỏe, cung cấp đồng phục và đồ dùng bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó, công ty tổ chức du lịch, nghỉ dưỡng, thưởng lễ tết, thưởng tháng lương 13 cho người lao động dựa vào kết quả kinh doanh trong năm.

Công ty còn xây dựng các chính sách đào tạo người lao động. Cụ thể, số giờ đào tạo trung bình trong năm theo tổng số nhân viên và phân loại nhân viên. Cập nhật các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động làm việc đạt hiệu quả tối ưu cũng như phát triển sự nghiệp lâu dài.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, Công ty đã và đang tích cực triển khai nhiều chương trình hoạt động an sinh, xã hội. Ngoài các chương trình ủng hộ quỹ an sinh xã hội theo định kỳ hàng năm, Công ty cũng tham gia công tác tài trợ, hỗ trợ khác, v.v...

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện công tác đóng góp, ủng hộ các chương trình xã hội từ thiện với tổng số tiền 128 triệu đồng. Thông qua các hoạt động an sinh xã hội, Viễn Đông mong muốn ngày càng lan tỏa tình yêu thương, nguồn năng lượng tươi mới góp phần vun đắp giá trị sống tốt đẹp hơn đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.

Với những gì đã đạt được trong những năm qua, Viễn Đông luôn cố gắng gìn giữ và tiếp tục phát triển, thực hiện những hoạt động ý nghĩa và những đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

| STT | CHỈ TIÊU | Năm 2021 | Năm 2022 | % Tăng/giảm năm 2022 so với năm 2021 |
|-----|---|-----------|-----------|--------------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.168.857 | 1.211.710 | 3,67% |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.063.514 | 1.386.846 | 30,40% |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 124.650 | 133.959 | 7,47% |
| 4 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 78.803 | 58.782 | -25,41% |
| 5 | Lợi nhuận khác | 1.480 | 213 | -85,59% |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | 80.284 | 58.995 | -26,52% |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 64.997 | 48.761 | -24,98% |
| 8 | Cổ tức (*) | 15% | 5% (*) | -66,67% |
| 9 | Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng) | 1.058 | 669 | -36,77% |

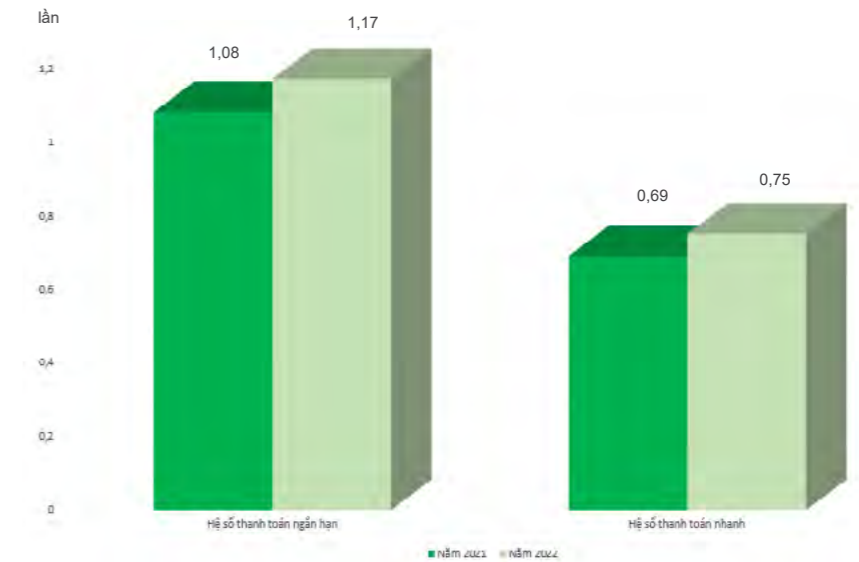
(*) Tỷ lệ dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2021 | Năm 2022 |
|--|------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,08 | 1,17 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,69 | 0,75 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 53,45 | 51,75 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 114,82 | 107,26 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 5,75 | 4,95 |
| Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 1,00 | 1,17 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 6,11 | 3,52 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 12,24 | 8,64 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 6,14 | 4,10 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần | % | 7,41 | 4,24 |

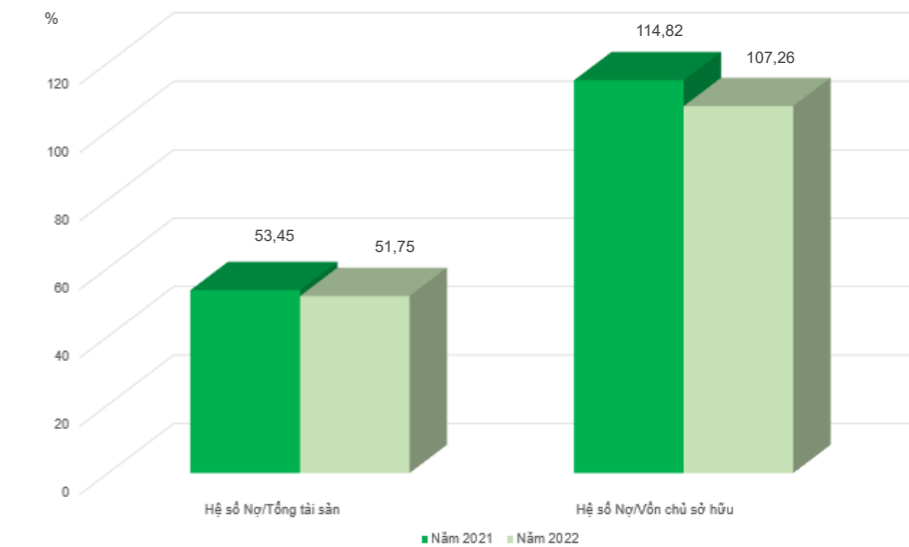
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trải qua một năm qua với nhiều thách thức khi nền kinh tế dần phục hồi sau thời gian dài giãn cách xã hội để chống dịch nhưng Công ty vẫn duy trì được các chỉ số thanh toán tích cực. Các hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh của Viễn Đông vào cuối năm 2022 đều cải thiện đáng kể, lần lượt đạt mức 1,17 và 0,75 lần nhờ dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh cải thiện tích cực và Công ty luôn đảm bảo thanh khoản cao.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Sự an toàn trong nguồn vốn hoạt động luôn được Ban lãnh đạo chú trọng. Hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2021 lần lượt ở mức 51,75% và 107,26%. Viễn Đông đang kiểm soát cơ cấu Nợ thấp hơn Vốn chủ sở hữu nhằm duy trì cấu trúc tài chính ổn định, hạn chế rủi ro tài chính.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

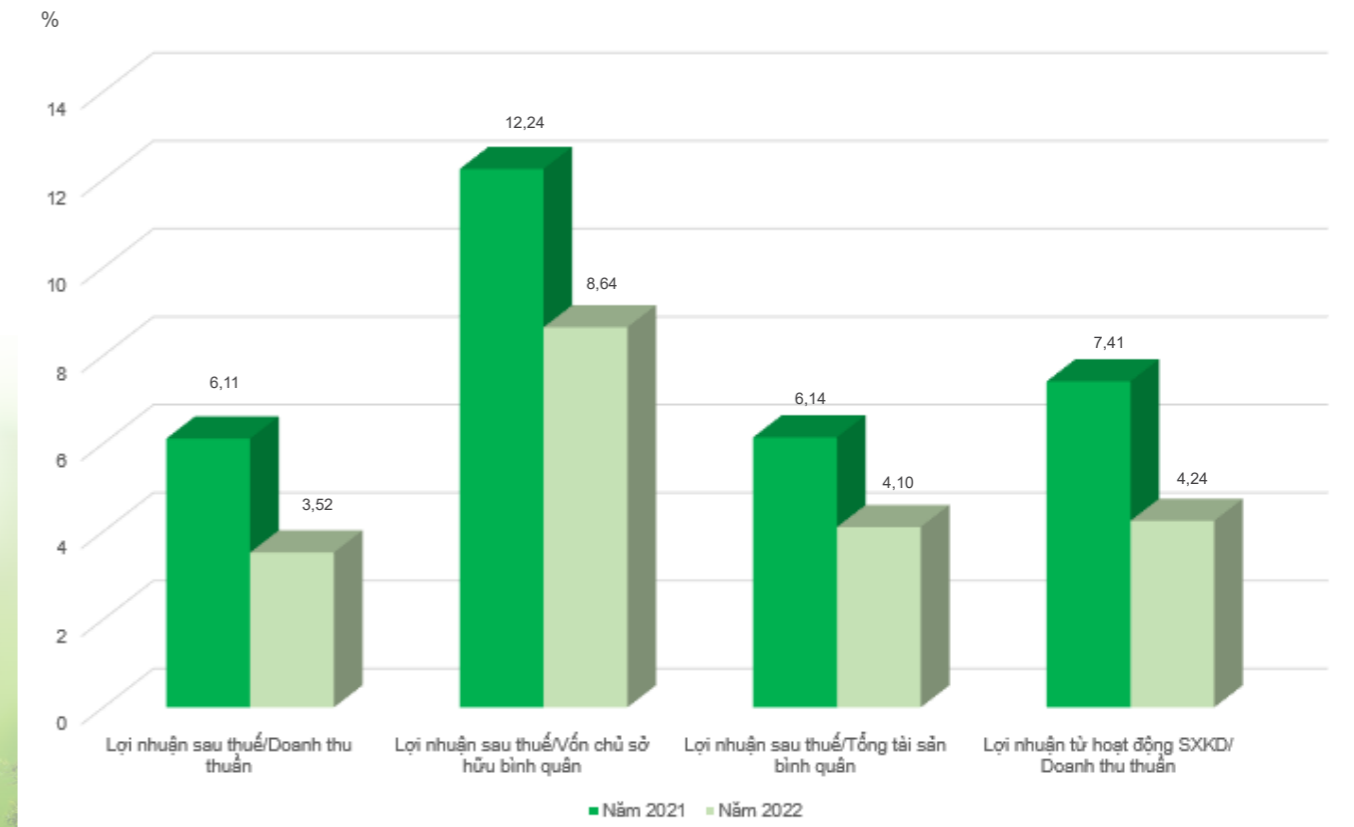
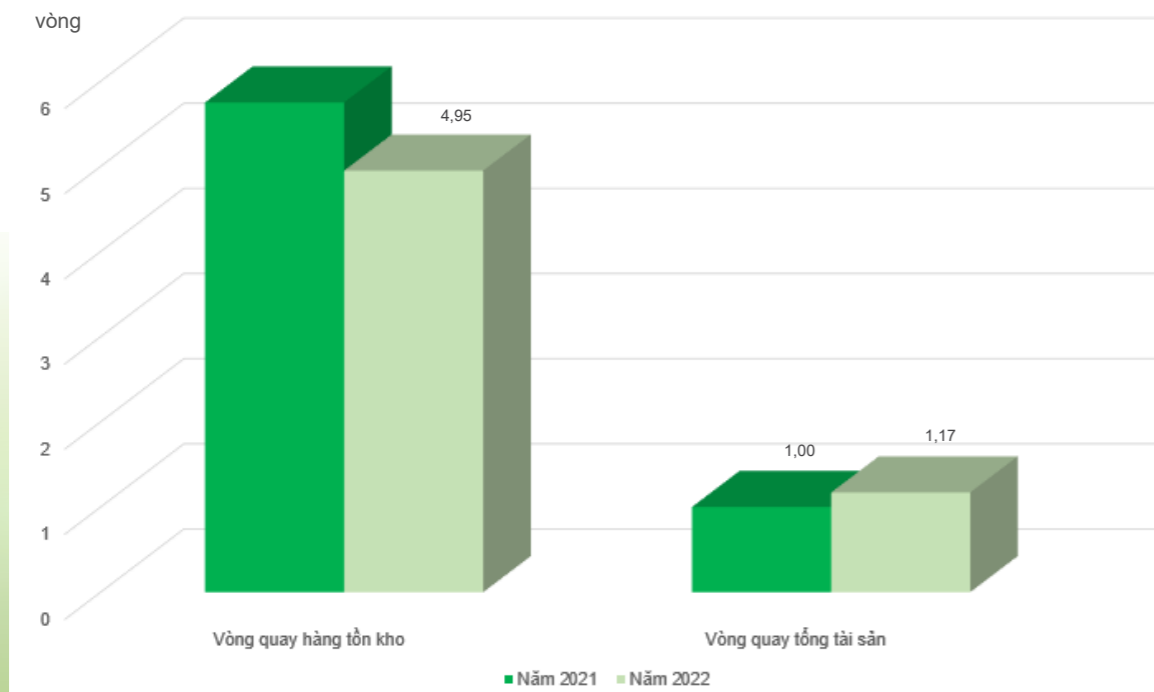
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Với mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ và doanh thu, cũng như mở rộng mạng lưới khách hàng, Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong năm vừa qua. Điều này dẫn đến vòng quay tổng tài sản của Công ty tăng từ 1,00 lần năm 2021 lên 1,17 lần trong năm 2022. Việc tiếp tục duy trì xu hướng tích cực trong những năm qua đã thể hiện được tính ổn định trong việc sử dụng tài sản hiệu quả của Công ty.

Vòng quay hàng tồn kho bình quân của Công ty năm 2022 đạt 4,95 vòng, giảm so với mức 5,75 vòng của cùng kỳ do ảnh hưởng của biến động nền kinh tế, làm cho tiêu thụ sản phẩm của Công ty giảm sút dẫn đến hàng tồn kho của Công ty tăng cao giai đoạn 2021-2022. Công ty luôn nỗ lực tìm kiếm các đối tác, khách hàng và lên kế hoạch cụ thể nhằm ổn định đầu vào và đầu ra của Công ty.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

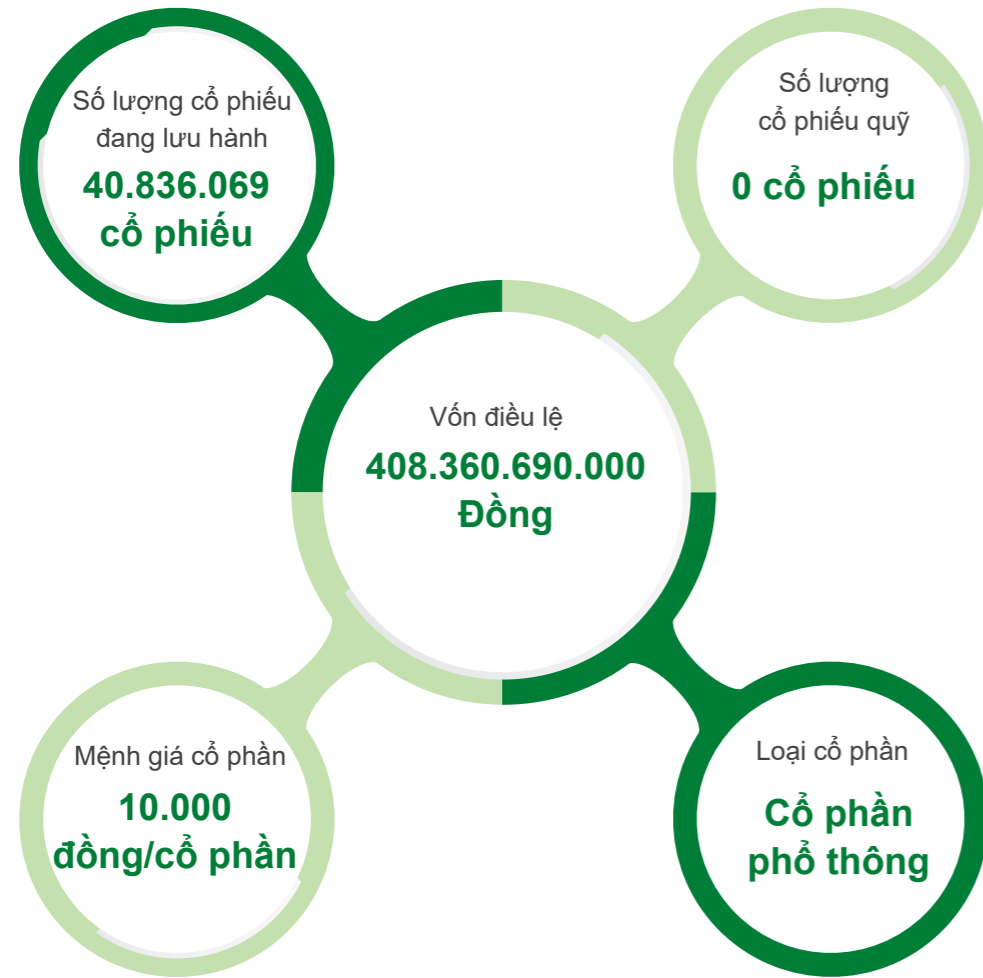
Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần của Công ty đạt 3,52% năm 2022, giảm so với mức 6,11% cùng kỳ năm 2021. Do ảnh hưởng chung của nền kinh tế thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh thường mại tại Công ty con bị ảnh hưởng trực tiếp từ biến động tỷ giá trên thị trường ngoại hối dẫn đến chi phí tài chính của công ty tăng cao. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty đạt 48,76 tỷ đồng, giảm 24,98% so với năm 2021. Chỉ số ROE, ROA năm 2022 lần lượt là 8,64% và 4,10% giảm nhẹ so với mức 12,24% và 6,14% năm 2021.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CỔ PHẦN: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ phát hành là 15%/VĐL. Theo đó vốn điều lệ Công ty được thay đổi cụ thể như sau:

| STT | Nội dung | Trước khi thay đổi | Thay đổi | Sau khi thay đổi |
|-----|---|--------------------|----------------|------------------|
| 1 | Vốn điều lệ (đồng) | 355.107.890.000 | 53.252.800.000 | 408.360.690.000 |
| 2 | Tổng số cổ phiếu | 35.510.789 | 5.325.280 | 40.836.069 |
| 3 | Số lượng cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành | 35.510.789 | 5.325.280 | 40.836.069 |

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|------------------------|------------------|------------------------------|----------------------|------------------|----------------|--------------|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | - | - | - | - | - |
| 2 | Cổ đông lớn | 12.881.750 | 31,54% | 3 | 1 | 2 |
| - | Trong nước | 12.881.750 | 31,54% | 3 | 1 | 2 |
| - | Nước ngoài | - | - | - | - | - |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | - | - | - | - | - |
| 4 | Cổ đông khác | 27.954.319 | 68,46% | 3.170 | 36 | 3.134 |
| - | Trong nước | 27.804.052 | 68,09% | 3.120 | 29 | 3.091 |
| - | Nước ngoài | 150.267 | 0,37% | 50 | 7 | 43 |
| TỔNG CỘNG | | 40.836.069 | 100% | 3.173 | 37 | 3.136 |
| Trong đó: - Trong nước | | 40.685.802 | 99,63% | 3.123 | 30 | 3.093 |
| - Nước ngoài | | 150.267 | 0,37% | 50 | 7 | 43 |

- **GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:** Không có

- **CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC** Không có.

- **TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA:** Căn cứ công văn số 911/UBCK-PTTT ngày 23 tháng 02 năm 2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông là: 50%.



PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

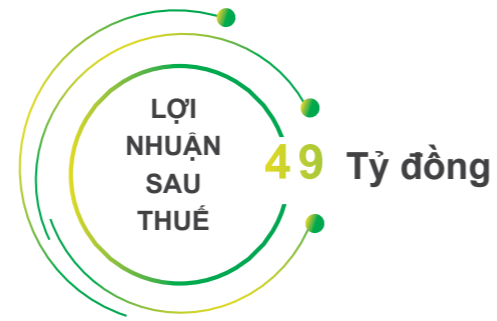
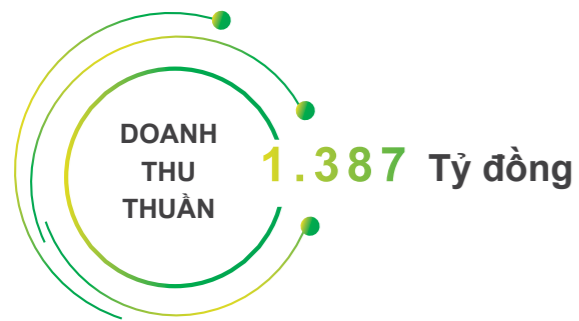
- **Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh**
- **Tình hình tài chính**
- **Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- **Kế hoạch phát triển trong tương lai**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2022 có thể nói là một năm nhiều biến động đối với Công ty do ảnh hưởng chung của nền kinh tế thị trường làm cho tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn và thách thức. Tuy nhiên với tầm nhìn chiến lược của HĐQT, sự quyết tâm nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBNV. Cùng với sự quan tâm chỉ đạo, giám sát thường xuyên của HĐQT, BKS, sự hợp tác quý báu của Quý khách hàng, cùng với nỗ lực của tập thể CBNV. Công ty đã mạnh mẽ chuyển đổi về chiến lược kinh doanh và đầu tư, về cơ cấu tổ chức quản lý, các công tác điều hành hàng ngày.

Theo đó, Tổng doanh thu bao gồm thu nhập khác của Công ty năm 2022 đạt 1.413 tỷ đồng, tăng 28,95% so với thực hiện năm 2021 và vượt 22,86% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 59 tỷ đồng, vượt 17,99% so với kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt mức 49 tỷ đồng và vượt 21,90% so với kế hoạch ĐHCĐ đặt ra.



CƠ CẤU TỔ CHỨC - NHÂN SỰ

Về cơ cấu tổ chức, năm qua, Công ty đã xúc tiến thành lập Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ để giúp việc cho HĐQT, Ban Điều hành trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời, liên tục rà soát, bổ sung thêm các chức năng nhiệm vụ các Phòng/Ban đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của hoạt động Kinh doanh.

Công tác nhân sự được thực hiện với các chính sách điều động, bổ nhiệm nhân sự một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh theo từng thời điểm. Tăng cường công tác đào tạo giúp nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề của CBNV đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển sắp tới của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động trong cùng ngành.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông luôn theo đuổi triết lý phát triển bền vững, gắn liền lợi ích của Công ty với lợi ích của các bên liên quan. Với những hoạt động quản trị và quan hệ nhà đầu tư minh bạch và hiệu quả.

Trong thời gian qua, Công ty đã đẩy mạnh các hoạt động cung cấp thông tin từ xa, qua điện thoại, email, cải tiến trang web hiện đại, thân thiện với người dùng, cung cấp các thông tin cập nhật, chính xác, kịp thời đến cộng đồng nhà đầu tư.

Ngoài ra, thực hiện đúng các chuẩn mực Quản trị Công ty được quy định trong văn bản lập quy của Công ty và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Ban Lãnh đạo luôn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc hoạt động công bố thông tin ra thị trường. Đối với các sự kiện có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường, Công ty luôn đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư.

Năm 2022, Công ty tiếp tục duy trì chi trả cổ tức tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 5% bằng cổ phiếu. Đây là minh chứng rõ ràng nhất cho thấy Công ty luôn đồng hành và hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đối với cổ đông.



VIỄN ĐÔNG
- VÌ CỘNG ĐỒNG

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

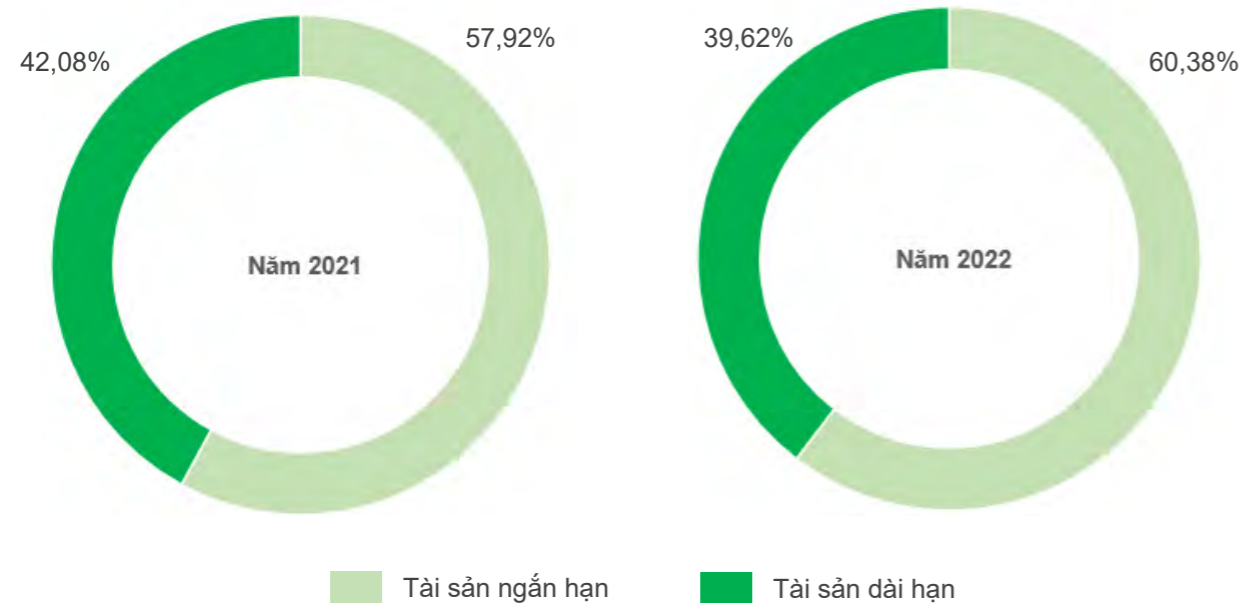
ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | | 31/12/2022 | | % Tăng giảm |
|---------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Tài sản ngắn hạn | 676.976 | 57,92% | 731.624 | 60,38% | 8,07% |
| Tài sản dài hạn | 491.881 | 42,08% | 480.086 | 39,62% | -2,40% |
| Tổng tài sản | 1.168.857 | 100,00% | 1.211.710 | 100,00% | 3,67% |

Tổng tài sản của Công ty ghi nhận đến 31/12/2022 là 1.211,71 tỷ đồng, tăng 3,67% so với thời điểm 31/12/2021. Cơ cấu tài sản chuyển dịch theo hướng tăng tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao giúp doanh nghiệp dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt khi cần thiết.

Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 16,32% ghi nhận ở mức 286,36 tỷ đồng do trước tình hình cạnh tranh gay gắt, Công ty đã áp dụng nới lỏng chính sách tín dụng đối với một số khách hàng lớn và hợp tác lâu năm của Công ty để tăng vị thế cạnh tranh và gia tăng thị phần, các khoản phải thu trong kỳ phần lớn là giao dịch ngắn hạn với các đối tác uy tín nên có khả năng thu hồi được công nợ đúng hạn. Ngoài khoản mục phải thu ngắn hạn, thì khoản Tiền/Đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho là hai khoản mục chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, và lần lượt đạt 178,64 tỷ đồng và 262,65 tỷ đồng. Công ty luôn chú ý duy trì tỷ trọng khoản mục tài sản ngắn hạn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn cũng như đáp ứng kịp thời dòng tiền cho các hoạt động đầu tư trong tương lai.

Do đặc trưng của ngành, tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tài sản dài hạn của Công ty.



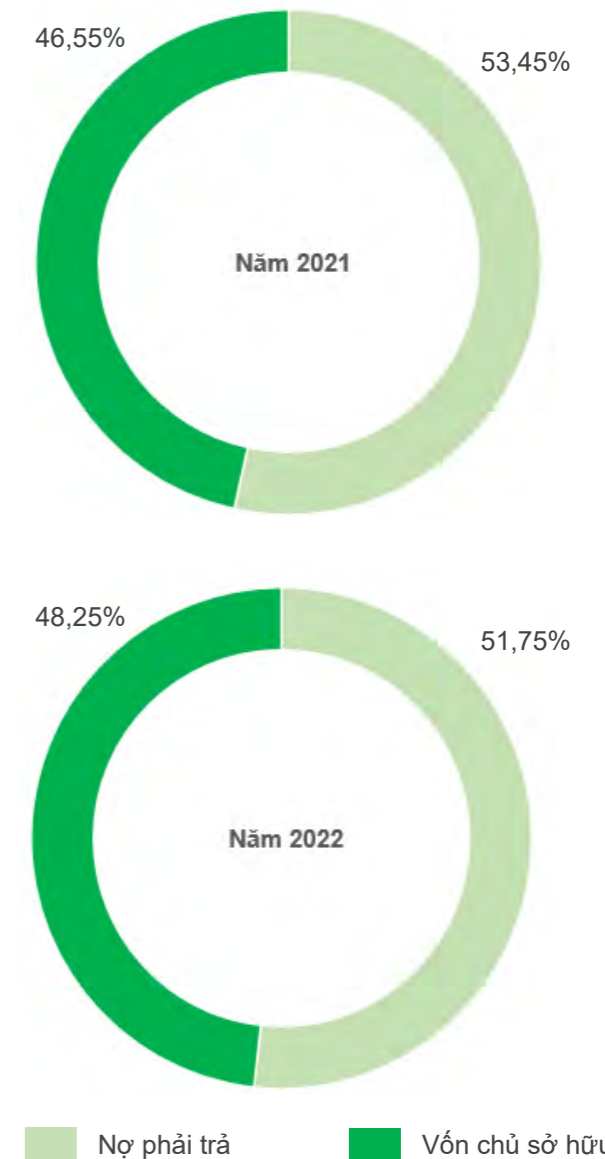
TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | | 31/12/2022 | | % Tăng giảm |
|-----------------------|------------------|-------------|------------------|-------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Nợ phải trả | 624.750 | 53,45% | 627.077 | 51,75% | 0,37% |
| - Nợ ngắn hạn | 624.750 | 100,00% | 625.577 | 99,76% | 0,13% |
| - Nợ dài hạn | - | - | 1.500 | 0,24% | - |
| Vốn chủ sở hữu | 544.107 | 46,55% | 584.633 | 48,25% | 7,45% |
| Tổng nguồn vốn | 1.168.857 | 100% | 1.211.710 | 100% | 3,67% |

Tại thời điểm cuối năm, nợ ngắn hạn của Công ty ghi nhận 625,58 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,13% so với cùng kỳ. Sự biến động trong cơ cấu nợ ngắn hạn chủ yếu đến từ hai khoản mục phải trả người bán ngắn hạn và vay nợ ngắn hạn. Cụ thể, khoản phải trả của Công ty năm 2022 hơn 251 tỷ đồng, tăng so với mức hơn 230 tỷ đồng của năm 2021 đây là các khoản phải trả cho đối tác, nhà cung cấp trong năm 2022 không chịu lãi nên không gây áp lực về chi phí. Ngoài ra biến động của khoản nợ vay ngắn hạn do trong năm công ty sử dụng khoản vay ngắn hạn với lãi suất ưu đãi để bổ sung vốn lưu động phục vụ kịp thời cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Với mục tiêu sử dụng chủ yếu nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty để giảm thiểu áp lực lãi vay, nên tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn được duy trì mức cao trong những năm qua.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Thực hiện nhất quán chính sách nhân sự, tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nhằm không ngừng nâng cao trình độ cho CBCNV trong bối cảnh mới.



Việc áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong công tác quản trị nhân sự vẫn được chú trọng phát triển, các giải pháp công nghệ thông tin đã giúp giảm thiểu đáng kể thời gian thực hiện các công việc bằng giấy tờ, số hóa nhiều công việc, kiểm soát việc tuân thủ các quy định của Công ty và Nhà nước, nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị nhân sự, hành chính.



Tổ chức nhân sự ngày càng tinh gọn, hiệu quả. Tăng cường công tác tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự phù hợp cho các phòng ban để phục vụ tốt nhất cho các hoạt động kinh doanh trong điều kiện mới.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: Không có



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2023 |
|-----|---------------------------|-------------|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu & thu nhập | Tỷ đồng | 1.160 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 55 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 44 |
| 4 | Cổ tức | % | 12% |

CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA

GIẢI PHÁP VỀ KINH DOANH



Tiếp tục phối hợp với CTCP Giấy Toàn Lực để có giải pháp hỗ trợ kịp thời cho hoạt động kinh doanh Xuất nhập khẩu.



Tiếp tục hỗ trợ các công ty liên kết trong lĩnh vực kinh doanh của từng công ty, qua đó sẽ làm gia tăng hiệu quả hoạt động của hệ thống.



Tiếp tục rà soát, đánh giá hiệu quả về đầu tư tài chính dài hạn, đầu tư thêm vốn đối với lĩnh vực đang và sẽ phát huy hiệu quả cao cho công ty.



Đề cao việc tiết giảm chi phí hoạt động và chi phí tài chính nhằm hạn chế biến động từ chi phí đầu vào lên biên lợi nhuận. Song song với đó là gia tăng sự an toàn, hiệu quả và bền vững trong hoạt động kinh doanh.



Phối hợp với Ban kiểm soát để hỗ trợ, giám sát việc bảo toàn và gia tăng giá trị vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên doanh liên kết, từ đó bảo đảm tăng thu nhập cho công ty và đảm bảo có lợi nhuận để chia cổ tức cho cổ đông trong năm tài chính 2023.

GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH



Tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các khoản đầu tư được an toàn và hiệu quả.



Chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các kế hoạch đầu tư và kinh doanh của Công ty.



Tối ưu hóa nguồn vốn kinh doanh. Sử dụng vốn và quỹ linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính. Ưu tiên giữ vững sự an toàn trong cấu trúc vốn và hạn chế rủi ro tài chính tiếp tục nhận được sự chú trọng từ Công ty.



Bảo đảm được việc làm ổn định và thu nhập cho người lao động. Áp dụng chế độ lương thưởng hợp lý kèm các khoản phúc lợi gia tăng để thúc đẩy, phát huy năng lực và động lực của cá nhân, tập thể, nhằm tăng năng suất lao động.



Thực thi “Viễn Đông vì cộng đồng”, có trách nhiệm với môi trường, xã hội, phát triển văn hóa doanh nghiệp góp phần phát triển công ty bền vững.



PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**
- **Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**
- **Các kế hoạch, định hướng của HĐQT**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2022, tình hình kinh tế thế giới và trong nước xảy ra nhiều biến động khó lường trước sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố bất lợi như: xung đột chính trị thế giới, các chính sách điều hành kinh tế ở các cường quốc, chính sách “Zero Covid”, khủng hoảng năng lượng tại Trung Quốc. Hậu quả dẫn đến áp lực lạm phát, chi phí năng lượng, lãi suất và gia tăng các chi phí đầu vào đã đẩy nền kinh tế đến bờ vực suy thoái. Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED), khiến cuộc đua lãi suất không ngừng leo thang ở các quốc gia, doanh nghiệp sản xuất trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đối mặt với rủi ro lãi suất, nền kinh tế thu hẹp quy mô, nhu cầu đầu tư, tiêu dùng giảm.

Đối mặt với các rủi ro đó, Hội đồng quản trị phối hợp với Ban Tổng Giám đốc theo sát, triển khai kịp thời, nhất quán các chiến lược kinh doanh và đầu tư. Hội đồng quản trị chủ trương chỉ đạo các công tác đầu tư nhằm đảm bảo hiệu quả của các khoản đầu tư ổn định và hiệu quả.

Nhờ sự đồng lòng, đoàn kết giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBNV kết quả kinh doanh năm 2022 tương đối khả quan, tổng doanh thu bao gồm thu nhập khác của Công ty năm 2022 đạt 1.413 tỷ đồng vượt 22,86% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 59 tỷ đồng, vượt 17,99% so với kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt mức 49 tỷ đồng và vượt 21,90% so với kế hoạch ĐHCĐ đặt ra.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả cũng như đáp ứng tốt nhu cầu khách hàng. Các phòng ban đảm nhiệm hoạt động đầu tư đã phối hợp cùng các bộ phận kinh doanh và tài chính để rà soát lại nhu cầu đầu tư để giải ngân cho một cách hợp lý, đảm bảo cân đối được dòng tiền cho hoạt động kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn nỗ lực xây dựng hệ thống quản trị theo các thông lệ Quản trị tốt nhất và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Công tác quản trị công ty tại Viễn Đông được xây dựng xoay quanh những yếu tố cốt lõi như sau:

- Bảo vệ quyền của cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với tất cả các cổ đông.
- Công nhận quyền của các bên có quyền lợi liên quan đã được pháp luật quy định, khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo lập tài sản, việc làm, và đảm bảo sự ổn định.
- Đảm bảo việc công bố thông tin về mọi vấn đề trọng yếu liên quan đến công ty bao gồm tình hình tài chính, tình hình quản trị, tình hình hoạt động, và sở hữu công ty kịp thời và chính xác.



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Năm 2022, Hội đồng quản trị đánh giá rất cao và ghi nhận những nỗ lực vượt bậc của Ban Tổng Giám đốc cũng như các bộ phận hỗ trợ trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động kinh doanh với bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang gặp nhiều thách thức.

Ban Tổng Giám đốc luôn thể hiện vai trò tiên phong trong thời điểm Công ty đang gặp nhiều khó khăn, luôn đề ra các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Đồng thời triển khai theo đúng tinh thần Nghị quyết đại hội cổ đông và Nghị quyết HĐQT, nỗ lực thực hiện tốt việc rà soát và bám sát chiến lược phát triển của Công ty, linh động điều chỉnh phù hợp với sự thay đổi của thị trường, gia tăng hiệu quả hoạt động, đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế, quy định trong hoạt động điều hành, phân cấp quản trị theo điều lệ, quy chế quản trị và các quy định nội bộ của Công ty.



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Với vai trò độc lập trong hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT độc lập luôn thể hiện tốt vai trò của mình, tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đóng góp ý kiến mang tính chiến lược và đầy trách nhiệm cho sự phát triển chung của Công ty. Bên cạnh đó, thành viên HĐQT độc lập luôn theo dõi sát sao hoạt động điều hành, góp phần hạn chế, phòng ngừa rủi ro cho doanh nghiệp.

Đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

- Các thành viên của HĐQT là những người có trình độ chuyên môn, bề dày kinh nghiệm, mạng lưới quan hệ rộng và uy tín trong lĩnh vực mà Công ty đang hoạt động. Đồng thời, các thành viên HĐQT luôn học hỏi, đúc kết kinh nghiệm để nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành, góp phần nâng tầm uy tín, thương hiệu Công ty.
- Trong năm 2022, HĐQT thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Từng thành viên HĐQT đã thực hiện đúng và hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo phân công. Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành, nhằm đảm bảo thực hiện đúng nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, các mục tiêu chiến lược và kế hoạch đã đặt ra. HĐQT kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Ban Điều hành trong công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kì và bất thường để thông qua các công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.
- Đồng thời, HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát giám sát Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2023

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2023

- Tăng cường công tác quản trị công ty phù hợp luật định hiện hành đối với công ty cổ phần, bao gồm công ty mẹ, công ty con, và các công ty liên kết;
- Duy trì các phiên họp thường kỳ hàng quý để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc để triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đạt hiệu quả.
- Thực hiện CBTT minh bạch, công khai, kịp thời về tình hình quản trị công ty và tình hình tài chính cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan chức năng, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
- Thường xuyên rà soát đánh giá hiệu quả đối với từng khoản đầu tư tài chính hiện hữu. Tái cấu trúc lại hoạt động đầu tư nếu xét thấy cần thiết để đảm bảo hiệu quả năm sau luôn cao hơn năm trước

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2023 |
|-----|---------------------------|-------------|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu & thu nhập | Tỷ đồng | 1.160 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 55 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 44 |
| 4 | Cổ tức | % | 12% |

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2022

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu (Cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|------------------|
| 1 | Ông Bùi Quang Khoa | Chủ tịch HĐQT | 820.380 | 2,00% |
| 2 | Ông Bùi Quang Minh | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 501.604 | 1,23% |
| 3 | Ông Trần Hoàng Nghĩa | Thành viên HĐQT | 993.138 | 2,43% |
| 4 | Ông Phạm Tất Phú | Thành viên HĐQT độc lập | 0 | 0% |
| 5 | Bà Trần Thị Phương Mai | Thành viên HĐQT độc lập | 0 | 0% |

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM 2022

| STT | Thành viên | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập | |
|-----|---------------------|-------------------------|--|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Bùi Quang Khoa | Chủ tịch HĐQT | 28/04/2022 | - |
| 2 | Bùi Quang Minh | Phó Chủ tịch HĐQT | 28/04/2022 | - |
| 3 | Phạm Tất Phú | Thành viên HĐQT độc lập | 28/04/2022 | - |
| 4 | Trần Thị Phương Mai | Thành viên HĐQT độc lập | 28/04/2022 | - |
| 5 | Bùi Quang Mẫn | Chủ tịch HĐQT | - | 28/04/2022 |
| 6 | Nguyễn Thị Thu | Thành viên HĐQT | - | 28/04/2022 |
| 7 | Phạm Thị Như Ngọc | Thành viên HĐQT độc lập | - | 28/04/2022 |



GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ HĐQT



BÙI QUANG KHOA
Chủ tịch Hội đồng quản trị

| | |
|--|--|
| Ngày sinh | 05/12/1977 |
| Địa chỉ thường trú | 2.45 Lô D, Chung cư Lạc Long Quân, P5, Q11, TPHCM |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh |
| Quá trình công tác | |
| Từ 05/2006 đến 02/2007 | Trợ lý HĐQT CTCP Giấy Viễn Đông |
| Từ 02/2007 đến 10/2008 | Giám đốc Điều hành CTCP Giấy Viễn Đông |
| Từ 10/2008 đến 10/2015 | Phó Tổng giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 10/2015 đến 04/2022 | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 07/2020 đến 04/2022 | Chủ tịch HĐQT CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông |
| Từ 04/2022 đến nay | Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông |
| Từ 04/2022 đến nay | Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông |
| Số cổ phần nắm giữ | 820.380 cổ phần, chiếm 2,00% vốn điều lệ |
| Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan | |

| Tên | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu |
|----------------|-------------|--|
| Thái Ngọc Trân | Vợ | 5.238 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÙI QUANG MINH
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

| | |
|--|--|
| Ngày sinh | 24/01/1986 |
| Địa chỉ thường trú | 3 Trần Quý Khoách , P. Tân Định , Q. 1 , TPHCM |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh |
| Quá trình công tác | |
| Từ 2008 đến 2013 | Trợ lý HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 2013 đến 2015 | Phó Giám đốc Điều hành - Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Bao bì MM Vidon |
| Từ 10/2015 đến nay | Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy Toàn Lực |
| Từ 08/2016 đến 04/2022 | Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 04/2022 đến nay | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy Toàn Lực |
| Số cổ phần nắm giữ | 501.604 cổ phần, chiếm 1,23% Vốn điều lệ. |

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

| Tên | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu |
|-------------------|-------------|---|
| Ông Bùi Quang Mẫn | Cha | 6.736.924 cổ phần, chiếm 16,49% Vốn điều lệ |
| Bà Nguyễn Thị Thu | Mẹ | 2.914.773 cổ phần, chiếm 7,14% Vốn điều lệ |



TRẦN HOÀNG NGHĨA
Thành viên HĐQT

| | |
|--|---|
| Ngày sinh | 15/05/1967 |
| Địa chỉ thường trú | 595/11C Cách Mạng Tháng Tám, P15, Q10, TP.HCM |
| Trình độ chuyên môn | Đại học Ngân Hàng |
| Quá trình công tác | |
| Từ 08/2008 đến 08/2009 | Phó Giám đốc Điều hành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 09/2008 đến 12/2013 | Giám đốc Điều hành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 01/2014 đến 08/2016 | Tổng Giám đốc Điều hành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 04/2011 đến nay | Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Không có |
| Số cổ phần nắm giữ | 993.138 cổ phần, chiếm 2,43% Vốn điều lệ |

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

| Tên | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu |
|--------------------|-------------|--|
| Mai Thị Trúc Giang | Vợ | 191.926 cổ phần, chiếm 0,47% Vốn điều lệ |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM TẤT PHÚ
Thành viên HĐQT độc lập

| | |
|--|---|
| Ngày sinh | 06/03/1991 |
| Địa chỉ thường trú | TP Pleiku , Tỉnh Gia Lai |
| Trình độ chuyên môn | Đại học RMIT, ngành Kế toán Tài chính |
| Quá trình công tác | |
| Từ 2012 đến 2013 | Kế toán tài chính CTCP Nụ cười Khách hàng |
| Từ 2013 đến 2014 | Kiểm toán nội bộ Công ty Kiểm toán Grant Thornton VN |
| Từ 2014 đến 2016 | Kế toán tài chính Công ty TNHH SCS Việt Nam |
| Từ 2016 đến nay | Kế toán tài chính Công ty TNHH Medtronic |
| Từ 04/2022 đến nay | Thành viên HĐQT độc lập CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Kế toán tài chính Công ty TNHH Medtronic |
| Số cổ phần nắm giữ | 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ |
| Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có | |



TRẦN THỊ PHƯƠNG MAI
Thành viên HĐQT độc lập

| | |
|--|---|
| Ngày sinh | 24/04/1977 |
| Địa chỉ thường trú | Mỹ Tho Tỉnh Tiền Giang |
| Trình độ chuyên môn | Cao học kinh tế phát triển |
| Quá trình công tác | |
| Từ 2007 đến nay | Giám đốc dự án phát triển Hongkong Land |
| Từ 04/2022 đến nay | Thành viên HĐQT độc lập CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Giám đốc phát triển dự án Hongkong Land |
| Số cổ phần nắm giữ | 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ |
| Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có | |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ban Quan hệ cổ đông & truyền thông, Ban trợ lý và Ban kiểm toán nội bộ thực hiện công bố thông tin định kỳ: Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình Quản trị Công ty, Báo cáo tài chính quý/bán niên/cả năm, thông báo về ngày đăng ký cuối cùng v/v họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2021, đăng tải trên website Công ty tài liệu của Đại hội, Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, công bố thông tin 24 giờ và bất thường khác...
- Các tiểu ban đã thể hiện tốt vai trò hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc thực thi, giám sát và kiểm soát hiệu quả hoạt động của Công ty.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Hội đồng quản trị đã hoạt động theo đúng quy trình của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bám sát định hướng, chiến lược và căn cứ vào tình hình thực tế đưa ra các quyết định, chỉ đạo chính xác, kịp thời.



Các cuộc họp Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------------|--------------------------|---------------|----------------------------|
| 1 | Ông Bùi Quang Khoa | 9/9 | 100% | - |
| 2 | Ông Bùi Quang Minh | 7/9 | 77% | Bỏ nhiệm ngày 28/04/2022 |
| 3 | Ông Trần Hoàng Nghĩa | 9/9 | 100% | - |
| 4 | Ông Phạm Tất Phú | 7/9 | 77% | Bỏ nhiệm ngày 28/04/2022 |
| 5 | Bà Trần Thị Phương Mai | 7/9 | 77% | Bỏ nhiệm ngày 28/04/2022 |
| 6 | Ông Bùi Quang Mẫn | 2/9 | 23% | Miễn nhiệm ngày 28/04/2022 |
| 7 | Bà Nguyễn Thị Thu | 2/9 | 23% | Miễn nhiệm ngày 28/04/2022 |
| 8 | Bà Phạm Thị Như Ngọc | 2/9 | 23% | Miễn nhiệm ngày 28/04/2022 |



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Hội đồng quản trị đã tổ chức 9 phiên họp, trong đó có phiên họp trực tiếp và phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|---|-----------------|
| 1 | 02.22 NQ/VID-HĐQT | 04/03/2022 | V/v Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022 | 100% |
| 2 | 03.22 NQ/VID-HĐQT | 07/03/2022 | V/v Tăng vốn đầu tư tài chính dài hạn năm 2022 | 100% |
| 3 | 04.22 NQ/VID-HĐQT | 28/04/2022 | V/v Bầu cử Chủ tịch HĐQT, phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty | 100% |
| 4 | 05.22 NQ/VID-HĐQT | 24/05/2022 | V/v Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2021 | 100% |
| 5 | 01.22 QĐ/VID-HĐQT | 30/05/2022 | V/v Lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2022 | 100% |
| 6 | 06.22 NQ/VID-HĐQT | 15/06/2022 | V/v Chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức cho năm tài chính 2021 | 100% |
| 7 | 07.22 NQ/VID-HĐQT | 14/07/2022 | V/v Kết quả phát hành CP để trả cổ tức và các vấn đề liên quan | 100% |
| 8 | 08.22 NQ/VID-HĐQT | 27/07/2022 | V/v Thông qua giao dịch với các bên liên quan trong năm 2022 | 100% |
| 9 | 09.22 NQ/VID-HĐQT | 27/10/2022 | V/v Ban hành qui chế công bố thông tin | 100% |



Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Tham gia các lớp đào tạo trực tuyến về quản trị Công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM tổ chức.

BAN KIỂM SOÁT



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2022

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu (Cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|------------------------|--------------------------|------------------------------------|------------------|
| 1 | Bà Lê Thị Minh Giang | Trưởng Ban Kiểm soát | 229.387 | 0,56% |
| 2 | Bà Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên Ban Kiểm soát | 0 | 0% |
| 3 | Bà Trần Thị Tình | Thành viên Ban Kiểm soát | 0 | 0% |

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BKS TRONG NĂM 2022

| STT | Thành viên | Chức vụ | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên Ban kiểm soát | |
|-----|------------------|--------------------------|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Trần Thị Tình | Thành viên Ban Kiểm soát | 28/04/2022 | - |
| 2 | Bùi Thị Ngọc Yến | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 28/04/2022 |



Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

| STT | Thành viên | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------|-------------------------|---------------|-------------------------------|
| 1 | Lê Thị Minh Giang | 2 | 100% | - |
| 2 | Trần Thị Thanh Thủy | 2 | 100% | - |
| 3 | Trần Thị Tình | 1 | 50% | Bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ TN 2022 |
| 4 | Bùi Thị Ngọc Yến | 1 | 50% | Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ TN 2022 |



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

| STT | Số văn bản | Ngày | Nội dung | Kết quả thông qua |
|-----|------------------|------------|---|-------------------|
| 1 | Biên bản họp BKS | 29/03/2022 | V/v Xem xét thông qua dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 | 100% |
| 2 | Biên bản họp BKS | 30/05/2022 | V/v Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC 2022 | 100% |



Giới thiệu thông tin về Ban Kiểm soát



LÊ THỊ MINH GIANG
Trưởng Ban Kiểm soát

| | |
|--|--|
| Ngày sinh | 26/01/1969 |
| Địa chỉ thường trú | 115 Nguyễn Cửu Vân , P17 , Q Bình Thạnh , TP.HCM |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế, ngành Kế toán |
| Quá trình công tác | |
| Từ 1991 đến 1993 | Nhân viên kế toán Xí nghiệp văn phòng phẩm 3, Tocontap SG |
| Từ 1994 đến 2011 | Nhân viên kế toán - Kế toán trưởng CTCP Thương mại Toàn lực |
| Từ 2011 đến nay | Kế toán trưởng CTCP Ấn tượng Việt |
| Từ 2019 đến nay | Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Kế toán trưởng CTCP Ấn tượng Việt |
| Số cổ phần nắm giữ | 229.387 cổ phần, chiếm 0,56% Vốn điều lệ |
| Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan | |

| Tên | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu |
|-------------------|-------------|--|
| Lê Thị Minh Thủy | Em | 10.260 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ |
| Ngô Thị Ngọc Diệp | Em dâu | 701.242 cổ phần, chiếm 1,72% vốn điều lệ |

BAN KIỂM SOÁT



TRẦN THỊ THANH THỦY
Thành viên Ban Kiểm soát

| | |
|--|--|
| Ngày sinh | 05/01/1979 |
| Địa chỉ thường trú | 38/4F Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, TP.HCM |
| Trình độ chuyên môn | Kế Toán Doanh Nghiệp |
| Quá trình công tác | |
| Từ 2010 đến 2018 | Nhân viên Kế Toán CTCP Giấy Toàn Lực |
| Từ 2018 đến 2020 | Trưởng Phòng Kho Vận CTCP Giấy Toàn Lực |
| Từ 2020 đến nay | Phó giám đốc phụ trách Kho vận CTCP Giấy Toàn Lực |
| Từ 2020 đến nay | Thành viên Ban kiểm soát CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Phó giám đốc phụ trách Kho vận CTCP Giấy Toàn Lực |
| Số cổ phần nắm giữ | 0 cổ phần, chiếm 0% VDL |
| Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có | |



TRẦN THỊ TÌNH
Thành viên Ban Kiểm soát

| | |
|--|--|
| Ngày sinh | 06/09/1981 |
| Địa chỉ thường trú | Xã Duy Nhất , Huyện Vũ Thư , Tỉnh Thái Bình |
| Trình độ chuyên môn | Cao đẳng |
| Quá trình công tác | |
| Từ 2009 đến 2010 | Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Thương mại Điện tử Hồng Nhân |
| Từ 2011 đến 2012 | Nhân viên Kế toán CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt |
| Từ 2012 đến 2014 | Kế toán trưởng Trường Phổ thông Việt Mỹ |
| Từ 2014 đến nay | Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt |
| Từ 04/2022 đến nay | Thành viên Ban kiểm soát CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt |
| Số cổ phần nắm giữ | 0 cổ phần, chiếm 0 % VDL |
| Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: không có | |

BAN KIỂM SOÁT



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
 - HĐQT đã giám sát việc triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ, việc tuân thủ các qui định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, thẩm tra đánh giá hoạt động tài chính - kế toán, và các báo cáo tài chính định kỳ;
 - HĐQT đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, và tổ chức nhân sự theo đúng qui định tại Điều lệ Công ty;
 - Phối hợp với các bên liên quan thực hiện kiểm tra tính pháp lý, trung thực với mức độ cần trọng trong quản lý và trong công tác kế toán và thống kê.
- KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
 - Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
 - Công tác tuyển dụng thực hiện đúng quy trình, quy chế tuyển dụng, đúng nhu cầu cho công việc. Công tác đào tạo và phát triển nguồn lực được nâng cao và đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh.
 - Tiền lương và chế độ chính sách: Công ty đã thực hiện chi trả lương đúng quy định, quy chế hiện hành
- SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**
 - Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình, cũng như luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ các cấp và phòng ban trong công ty trong lúc thực thi công việc.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



LƯƠNG VÀ THƯỜNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| STT | Họ và tên | Chức danh | Lương và thưởng năm 2022 | Ghi chú |
|------------------|----------------|-------------------|--------------------------|----------------------------|
| 1 | Bùi Quang Minh | Tổng Giám đốc | 515.656.152 | - |
| 2 | Bùi Quang Khoa | Phó Tổng Giám đốc | 44.546.862 | Miễn nhiệm ngày 28/04/2022 |
| 3 | Nguyễn Thị Thu | Phó Tổng Giám đốc | 272.522.960 | - |
| TỔNG CỘNG | | | 832.725.974 | |

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



THÙ LAO VÀ THƯỜNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Họ và tên | Chức danh | Thù lao và thưởng | Ghi chú |
|------------------|------------------------|-------------------|--------------------|----------------------------|
| 1 | Ông Bùi Quang Mẫn | Chủ tịch HĐQT | 120.000.000 | Miễn nhiệm ngày 28/04/2022 |
| 2 | Bùi Quang Khoa | Chủ tịch HĐQT | 260.000.000 | Bổ nhiệm ngày 28/04/2022 |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thu | Phó Chủ tịch HĐQT | 40.000.000 | Miễn nhiệm ngày 28/04/2022 |
| 4 | Ông Trần Hoàng Nghĩa | Thành viên HĐQT | 60.000.000 | - |
| 5 | Bà Phạm Thị Như Ngọc | Thành viên HĐQT | 20.000.000 | Miễn nhiệm ngày 28/04/2022 |
| 6 | Ông Bùi Quang Minh | Phó Chủ tịch HĐQT | 80.000.000 | Bổ nhiệm ngày 28/04/2022 |
| 7 | Ông Phạm Tất Phú | Thành viên HĐQT | 40.000.000 | Bổ nhiệm ngày 28/04/2022 |
| 8 | Bà Trần Thị Phương Mai | Thành viên HĐQT | 40.000.000 | Bổ nhiệm ngày 28/04/2022 |
| TỔNG CỘNG | | | 660.000.000 | |



THÙ LAO VÀ THƯỜNG BAN KIỂM SOÁT

| STT | Họ và tên | Chức danh | Thù lao và thưởng | Ghi chú |
|------------------|------------------------|--------------------------|--------------------|----------------------------|
| 1 | Bà Lê Thị Minh Giang | Trưởng Ban Kiểm soát | 60.000.000 | |
| 2 | Bà Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên Ban Kiểm soát | 36.000.000 | |
| 3 | Bà Bùi Thị Ngọc Yến | Thành viên Ban Kiểm soát | 12.000.000 | Miễn nhiệm ngày 28/04/2022 |
| 4 | Bà Trần Thị Tình | Thành viên Ban Kiểm soát | 24.000.000 | Bổ nhiệm ngày 28/04/2022 |
| TỔNG CỘNG | | | 132.000.000 | |

● GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|---------------------------|----------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|---|
| | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| Bùi Quang Khoa | Chủ tịch HĐQT | 320.380 | 0,78% | 820.380 | 2% | Tăng tỷ lệ sở hữu |

● HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty:

| Tên tổ chức | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH |
|-------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| CTCP Giấy Toàn Lực | Công ty con | 0305623305 |
| CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông | Công ty liên kết | 0300716891 |
| CTCP Sách và Dịch Vụ Văn Hóa Tây Đô | Công ty liên kết | 1800531192 |
| CTCP ĐT PT Giáo Dục Hoàng Việt | Công ty liên kết | 0306213397 |
| CTCP Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ | Người liên quan với HĐQT | 0305072778 |

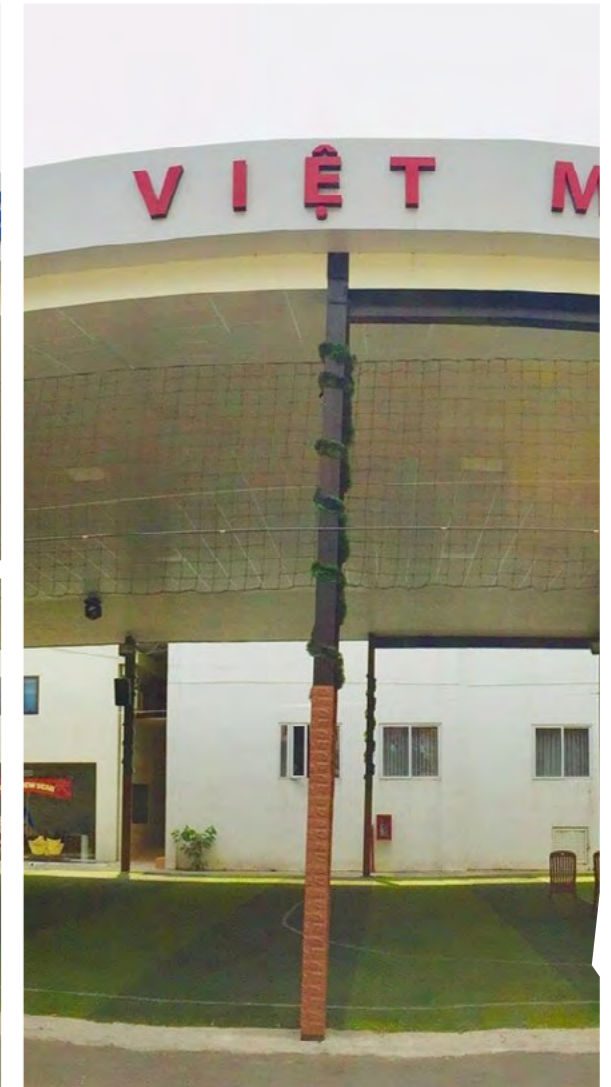


| Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|--|---------------------------------|--|---|
| Lô A2-8 Đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh | 2022 | 01.22 NQ/GTL-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2022 | Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02.17/HĐHTKD-VID-TMTL, 01/HDDV/VĐ-GTL tổng trị giá 17.511.529.890 đồng Cổ tức nhận được: 7.838.347.000 đồng |
| 102A Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, Tp Hồ Chí Minh | 2022 | 01/NQ-SVT-ĐHĐCĐ 23/04/2022 | Hợp đồng mua bán hàng hóa số 03/06/2022 HĐMB VIDON-SVT và 04/06/2022 HĐMB VIDON-SVT tổng trị giá 22.203.531.540 đồng |
| 29 Phan Đình Phùng, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ | 2022 | Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022 | Hợp đồng mua bán hàng hóa số 12/04/2022 HĐMB VID-Tây Đô, 07/09/2022 HĐMB VID-Tây Đô, 10/11/2022 HĐMB VID-TÂY ĐÔ tổng trị giá 33.082.630.047 đồng. Cổ tức nhận được: 742.070.000 đồng |
| 252 Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh | 2022 | Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 05/03/2022 Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 22/12/2022 | Góp vốn đầu tư tổng trị giá 5.967.000.000 đồng Cổ tức nhận được: 5.171.400.000 đồng |
| 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh | 2022 | Biên bản họp ĐHCĐ ngày 21/03/2022 | Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03122021/HĐVV/VĐ-VM và 01 HĐHT-VA tổng trị giá 8.617.539.245 đồng. Cổ tức nhận được: 4.349.116.800 đồng |

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

“ Về quản trị Công ty thực hiện theo các Quy định của pháp luật, luôn công khai, minh bạch, có hiệu quả; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của công ty nói chung và của các cổ đông nói riêng; tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả.

- ✓ Viễn Đông đã tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, hướng tới các mục tiêu chính là: hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị hướng tới các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường; tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động. Theo đó, Công ty có thể tận dụng được tối đa các nguồn lực trong công ty.
- ✓ Để nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng thực hiện các công tác như:
 - Tham gia các Hội thảo tập huấn trực tuyến/trực tiếp về quản trị công ty cho các công ty đại chúng do UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức nhằm tiếp cận những hướng quản trị mới, hiệu quả hơn. Nhờ đó mà Ban Lãnh đạo Công ty có thể cập nhật đầy đủ, chính xác các văn bản hướng dẫn Luật mới của UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - Tuân thủ luật pháp, Điều lệ tổ chức và các Quy chế hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều phù hợp thẩm quyền và tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua. Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty thực hiện đúng Nghị quyết và Quyết định của HĐQT, chấp hành theo đúng pháp luật hiện hành.
- ✓ Bên cạnh đó, nhiệm vụ công bố thông tin của Công ty cho cổ đông, nhà đầu tư được công bố đúng quy định thông qua website Công ty, hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, nhằm giúp cổ đông có điều kiện theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt và hiệu quả hoạt động của HĐQT. Từ đó nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tiềm năng của thị trường, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn, tạo dựng niềm tin của nhà đầu tư đối với VID.





PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (Công ty con) (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty") đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 18) vào ngày 05 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 408.360.690.000 đồng.

Mã chứng khoán: VID

Hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Gia công, sản xuất bao bì giấy; Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (trừ sản xuất bột giấy, tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: sửa chữa thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế thiết bị sản xuất giấy;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo, gia công thiết bị sản xuất giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Gia công, sản xuất bao bì nhôm, nhựa (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Xuất nhập khẩu: các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy. Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định. Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, đầu lọc, màng nhôm, màng nhựa. Mua bán sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời (sân vận động bóng đá) (trừ hoạt động của các sân nhảy);

37.
NG
PH
PHÁ
JNG
ĐC
T.PH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống cho các sự kiện trong một khoảng thời gian cụ thể; Đồ ăn thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; cung cấp suất ăn theo hợp đồng; hoạt động của các căng tin và nhà hàng tự phục vụ trên cơ sở nhượng quyền (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán giải khát, hàng bia, quán cà phê, nước hoa quả, giải khát, dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè, xe bán rong đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Đào tạo trung cấp. Chi tiết: Đào tạo nghề; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dạy nghề;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn tự động phục vụ, quán ăn nhanh có phục vụ đồ ăn mang về, xe bán hàng ăn lưu động (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật (trừ hoạt động sân khấu);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy;
- Đào tạo thạc sỹ (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo tiến sỹ (không hoạt động tại trụ sở);
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng. Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng nhân các sự kiện như phục vụ tiệc, hội nghị, tiệc gia đình, đám cưới hoặc hợp đồng dịch vụ ăn uống, phục vụ ăn uống cho các sự kiện thể thao, hội nghị hoặc tương tự, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu nhân các công việc của họ như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| Họ và tên: | Chức vụ: |
|--------------------------|---|
| - Ông Bùi Quang Khoa | Chủ tịch – người đại diện theo pháp luật (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022) |
| - Ông Bùi Quang Mẫn | Chủ tịch – người đại diện theo pháp luật (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022) |
| - Ông Bùi Quang Minh | Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022) |
| - Bà Nguyễn Thị Thu | Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022) |
| - Ông Trần Hoàng Nghĩa | Thành viên |
| - Bà Trần Thị Phương Mai | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022) |
| - Ông Phạm Tất Phú | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022) |
| - Bà Phạm Thị Như Ngọc | Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022) |

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| Họ và tên: | Chức vụ: |
|--------------------------|---|
| - Bà Lê Thị Minh Giang | Trưởng ban |
| - Bà Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên |
| - Bà Trần Thị Tinh | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022) |
| - Bà Bùi Thị Ngọc Yến | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022) |

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

| Họ và tên: | Chức vụ: |
|---------------------------|--|
| - Ông Bùi Quang Minh | Tổng Giám đốc |
| - Bà Nguyễn Thị Thu | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Bùi Quang Khoa | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022) |
| - Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên | Kế toán trưởng |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Công ty đã phát hành 5.325.280 cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02.22/NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 và Nghị quyết 05.22/NQ/VID-HĐQT ngày 24/05/2022 của Hội đồng Quản trị về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021.

Ngày 14/07/2022, Công ty đã thông qua Nghị quyết 07.22/NQ/VID-HĐQT về việc thông báo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo đó số lượng cổ phiếu đã phân phối là 5.325.280 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu lưu hành tăng từ 35.510.789 cổ phiếu lên 40.836.069 cổ phiếu. Vốn điều lệ tăng từ 355.107.890.000 đồng lên 408.360.690.000 đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh trong năm cần được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Nhóm Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Nhóm Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 Năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Nhóm Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2023
THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2023
THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Quang Khoa
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (“Công ty”) và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (“Công ty con”) (gọi tắt là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2023, từ trang 10 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2023-242-1

Nguyễn Thị Hoàng Vân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1561-2022-242-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 731.623.893.347 | 676.976.245.146 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 94.742.150.943 | 106.205.414.582 |
| Tiền | 111 | | 89.742.150.943 | 106.205.414.582 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 5.000.000.000 | - |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2a | 83.898.807.671 | 71.648.807.671 |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 83.898.807.671 | 71.648.807.671 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 286.359.410.408 | 246.177.718.913 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 323.602.775.525 | 281.086.142.907 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 8.320.421.127 | 8.404.412.802 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.6a | 5.948.000.000 | 7.674.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 5.391.426.895 | 5.794.064.246 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | 5.7 | (56.903.213.139) | (56.780.901.042) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | 5.8 | 262.647.767.349 | 243.654.990.196 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 263.193.767.349 | 244.253.081.726 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | (546.000.000) | (598.091.530) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.975.756.976 | 9.289.313.784 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.9a | 29.375.980 | 154.964.755 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 3.946.380.996 | 9.134.349.029 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 480.086.295.575 | 491.881.074.859 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 51.754.325.000 | 66.450.000.000 |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | 5.6b | 51.200.000.000 | 66.150.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | 554.325.000 | 300.000.000 |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 67.172.199.220 | 73.314.814.808 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.11 | 43.355.873.391 | 49.269.631.615 |
| - Nguyên giá | 222 | | 107.661.676.134 | 105.952.281.270 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (64.305.802.743) | (56.682.649.655) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.12 | 23.816.325.829 | 24.045.183.193 |
| - Nguyên giá | 228 | | 26.930.027.271 | 26.930.027.271 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (3.113.701.442) | (2.884.844.078) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 200.807.053 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí XDCB dở dang | 242 | | 200.807.053 | - |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.2b | 356.205.856.597 | 347.042.370.047 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 214.934.416.597 | 205.770.930.047 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 141.608.940.000 | 141.608.940.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*) | 254 | | (337.500.000) | (337.500.000) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.753.107.705 | 5.073.890.004 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.9b | 1.192.809.011 | 623.516.637 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| Lợi thế thương mại | 269 | 5.10 | 3.560.298.694 | 4.450.373.367 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.211.710.188.922 | 1.168.857.320.005 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 627.077.271.178 | 624.750.210.138 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 625.577.271.178 | 624.750.210.138 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.13 | 251.807.496.056 | 230.346.027.510 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.14 | 18.413.592.566 | 57.485.911.891 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.15 | 2.868.555.820 | 9.329.603.694 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 537.719.499 | 1.030.852.538 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.16 | 1.078.090.129 | 564.198.024 |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.17 | 963.880.792 | 21.148.769.578 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.18a | 346.755.764.280 | 301.825.787.480 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 5.19 | 3.152.172.036 | 3.019.059.423 |
| Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | 1.500.000.000 | - |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.18b | 1.500.000.000 | - |
| Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 584.632.917.744 | 544.107.109.867 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.20 | 584.632.917.744 | 544.107.109.867 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 408.360.690.000 | 355.107.890.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 408.360.690.000 | 355.107.890.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 3.254.265.000 | 3.254.265.000 |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 2.967.606.986 | 2.967.606.986 |
| Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 8.425.799.489 | 8.425.799.489 |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 105.844.658 | 105.844.658 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 46.197.802.043 | 74.206.987.984 |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 12.402.728.371 | 33.611.993.841 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 33.795.073.672 | 40.594.994.143 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 115.320.909.568 | 100.038.715.750 |
| Nguồn kinh phí | 430 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.211.710.188.922 | 1.168.857.320.005 |

Ngày 23 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2022 | Năm 2021 |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 1.386.845.828.623 | 1.063.513.531.840 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 6.1 | 1.386.845.828.623 | 1.063.513.531.840 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 1.252.887.285.626 | 938.863.687.707 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 133.958.542.997 | 124.649.844.133 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 25.807.524.065 | 25.782.214.917 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 38.145.560.484 | 17.491.938.099 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>16.076.218.284</i> | <i>14.808.210.750</i> |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 24 | | 1.012.486.550 | 2.117.153.532 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 24.882.103.171 | 16.001.135.997 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 38.968.957.826 | 40.252.673.374 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 58.781.932.131 | 78.803.465.112 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 259.434.174 | 6.429.458.347 |
| Chi phí khác | 32 | 6.8 | 46.100.778 | 4.949.188.722 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 213.333.396 | 1.480.269.625 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 58.995.265.527 | 80.283.734.737 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 6.10 | 10.234.692.037 | 15.286.419.075 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 48.760.573.490 | 64.997.315.662 |
| <i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i> | 61 | | <i>25.956.726.672</i> | <i>35.108.151.243</i> |
| <i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i> | 62 | | <i>22.803.846.818</i> | <i>29.889.164.419</i> |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.11 | 669 | 1.058 |

Ngày 23 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2022 | Năm 2021 |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 58.995.265.527 | 80.283.734.737 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 7.852.010.452 | 7.992.119.577 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 966.163.258 | 1.606.491.342 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 640.691.367 | 1.897.910.843 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (33.270.512.199) | (57.655.803.461) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 16.076.218.284 | 14.808.210.750 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 51.259.836.689 | 48.932.663.788 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (19.434.919.650) | (35.475.947.163) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (18.992.777.153) | (156.775.828.920) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (19.931.791.341) | 157.798.744.300 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 446.371.074 | 2.584.416.797 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (19.418.762.006) | (18.164.734.292) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (16.433.934.374) | (20.791.709.860) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (580.000.000) | (348.263.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (43.085.976.761) | (22.240.658.350) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (1.930.776.505) | (1.840.446.435) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn | 22 | - | 118.181.818 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (79.610.335.342) | (59.900.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 66.961.664.658 | 79.790.000.000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (8.151.000.000) | (10.188.750.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | 8.175.000.000 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 34.675.236.511 | 60.957.279.666 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 11.944.789.322 | 77.111.265.049 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp) (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2022 | Năm 2021 |
|---|-----------|-------------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 734.522.029.850 | 660.001.849.481 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (688.092.053.050) | (647.286.459.337) |
| Tiền trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (26.752.053.000) | (12.360.542.600) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 19.677.923.800 | 354.847.544 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | (11.463.263.639) | 55.225.454.243 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 94.742.150.943 | 106.205.414.582 |

Ngày 23 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 18) vào ngày 05 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 408.360.690.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty là sản xuất, thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có Văn phòng chính đặt tại 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số các công ty con: 01 (một) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 (một) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|-------------------------------|--|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | Lô A2-8 Đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh | 51,03% | 51,03% |

Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|--|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt | Lầu 2, số 84, KP4, đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | 45,00% | 45,00% |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | 102A Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, Tp Hồ Chí Minh | 40,67% | 40,67% |
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | 29 Phan Đình Phùng, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ | 41,48% | 41,48% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt | 252 Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh | 38,70% | 38,70% |
| Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng | 27,04% | 27,04% |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty mẹ và Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (“Công ty mẹ”) và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (“Công ty con”) (dưới đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Nhóm Công ty trong giá hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

4.4. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.6. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.7. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Nhóm Công ty như sau:

| Loại tài sản cố định | Số năm |
|--------------------------|---------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 – 25 |
| Máy móc, thiết bị | 05 – 12 |
| Phương tiện vận tải | 06 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 |
| Tài sản cố định khác | 03 |

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty như sau:

- Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 03 năm;
- Quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao trong 39 năm;
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không khấu hao.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.13. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Nhóm Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.18. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.19. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các hàng hóa, dịch vụ của Nhóm Công ty là 5%, 8% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.22. Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| - Tiền mặt | 128.830.903 | 254.300.205 |
| - Tiền gửi ngân hàng | 89.613.320.040 | 105.951.114.377 |
| - Các khoản tương đương tiền (*) | 5.000.000.000 | - |
| Cộng | 94.742.150.943 | 106.205.414.582 |

(*) : Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quận 3, lãi suất 4,6%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quận 3 (*) | 83.898.807.671 | 83.898.807.671 | 71.648.807.671 | 71.648.807.671 |
| Cộng | 83.898.807.671 | 83.898.807.671 | 71.648.807.671 | 71.648.807.671 |

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quận 3, kỳ hạn 12 tháng trở xuống, lãi suất từ 3,7%/năm đến 6,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**b. Đầu tư tài chính dài hạn
Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh**

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|--|---------------|------------------------|---------------|--|
| | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
| | | | | Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND) |
| - Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt | 45,00% | 45,00% | 45,00% | 45.000.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | 40,67% | 40,67% | 40,67% | 82.614.769.717 |
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | 41,48% | 41,48% | 41,48% | 25.993.038.250 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt | 38,70% | 38,70% | 38,70% | 45.822.730.729 |
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | 27,04% | 27,04% | 27,04% | 6.340.391.351 |
| Cộng | | | | 205.770.930.047 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đầu tư vào công ty khác

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | | | | Giá trị hợp lý |
| - Công ty Cổ phần Tac Paritas | 80.000.000.000 | - | (*) 80.000.000.000 | - (*) |
| - Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ | 60.855.440.000 | - | (*) 60.855.440.000 | - (*) |
| - Công ty Cổ phần Nhà hàng Tám An | 416.000.000 | - | (*) 416.000.000 | - (*) |
| - Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt | 337.500.000 | 337.500.000 | (*) 337.500.000 | 337.500.000 (*) |
| Cộng | 141.608.940.000 | 337.500.000 | (*) 141.608.940.000 | 337.500.000 (*) |

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|--|------------------------|------------------------|
| Các khách hàng là bên liên quan | 39.545.046.606 | 37.204.673.400 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | 29.368.445.806 | 29.468.445.806 |
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hoá Tây Đô | 8.856.600.800 | 5.017.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ | 1.320.000.000 | 2.719.227.594 |
| Các khách hàng độc lập | 284.057.728.919 | 243.881.469.507 |
| - Công ty TNHH MTV In Báo Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh | 32.146.787.344 | 38.211.302.935 |
| - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn hóa Hương Trang | 21.163.328.315 | 12.349.894.191 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Quảng cáo Song Hành | 20.542.133.224 | 11.717.965.849 |
| - Công ty Cổ phần In Số 7 | 18.649.809.682 | 23.928.586.948 |
| - Công ty TNHH Văn hóa Trí Đức Thái Thịnh | 17.302.078.950 | 8.782.741.096 |
| - Công ty Cổ phần In bao bì Khatoco | 15.777.820.517 | 216.191.272 |
| - Công ty TNHH An Hào | 15.030.128.824 | 4.350.459.049 |
| - Công ty TNHH MTV Văn hóa Đại Việt Á | 14.869.266.444 | 14.401.423.771 |
| - Công ty TNHH MTV In Quân đội 2 | 11.164.384.772 | 3.955.918.396 |
| - Công ty Cổ phần In Trần Phú | 9.868.614.367 | 1.604.603.930 |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vĩ Na | 9.699.145.003 | 9.699.145.003 |
| - Các khách hàng khác | 97.844.231.477 | 114.663.237.067 |
| Cộng | 323.602.775.525 | 281.086.142.907 |

5.4 Trả trước cho người bán

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|--|----------------------|----------------------|
| Các nhà cung cấp là bên liên quan | 6.527.395.948 | 6.527.395.948 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | 6.527.395.948 | 6.527.395.948 |
| Các nhà cung cấp độc lập | 1.793.025.179 | 1.877.016.854 |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên | 1.062.600.000 | 1.062.600.000 |
| - Các nhà cung cấp khác | 730.425.179 | 814.416.854 |
| Cộng | 8.320.421.127 | 8.404.412.802 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|---|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 307.231.563 | - | 172.322.135 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 59.000.000 | - | 205.000.000 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 5.025.195.332 | 130.000.000 | 5.416.742.111 | 130.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan | 685.900.000 | - | 1.646.836.471 | - |
| - Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt | - | - | 1.624.148.800 | - |
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | - | - | 22.687.671 | - |
| - Phải thu khác | 685.900.000 | - | - | - |
| Phải thu ngắn hạn khác các bên độc lập | 4.339.295.332 | 130.000.000 | 3.769.905.640 | 130.000.000 |
| - Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây | 1.418.091.946 | - | 1.247.956.698 | - |
| - Phải thu lãi cho vay cá nhân | 849.726.357 | - | 387.569.863 | - |
| - Công ty Cổ phần Tac Paritas | 1.901.209.589 | - | 811.367.123 | - |
| - Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An | - | - | 670.000.000 | - |
| - Các đối tượng khác | 170.267.440 | 130.000.000 | 653.011.956 | 130.000.000 |
| Cộng | 5.391.426.895 | 130.000.000 | 5.794.064.246 | 130.000.000 |

5.6 Phải thu về cho vay

a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|---|----------------------|----------------------|
| - Bà Kiều Thị Minh Phụng ⁽¹⁾ | 2.895.000.000 | - |
| - Bà Phạm Thị Thúy Ngọc ⁽¹⁾ | 3.053.000.000 | - |
| - Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên | - | 2.000.000.000 |
| - Ông Vũ Đình Hòa | - | 5.674.000.000 |
| Cộng | 5.948.000.000 | 7.674.000.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

⁽ⁱ⁾ Chi tiết như sau:

| Khách hàng | Số hợp đồng | Ngày ký | Kỳ hạn | Lãi suất | Giá trị |
|--------------------------|-------------------------|------------|--|----------|----------------------|
| - Bà Kiều Thị Minh Phụng | 23/05/HĐVV/2022 /GIẤYTL | 23/05/2022 | Từ ngày 23/05/2022 đến ngày 31/01/2023 | 7%/năm | 2.895.000.000 |
| - Bà Phạm Thị Thúy Ngọc | 04/05/HĐVV/2022 /GIẤYTL | 04/05/2022 | Từ ngày 04/05/2022 đến ngày 31/01/2023 | 7%/năm | 3.053.000.000 |
| | | | | | 5.948.000.000 |

b. Phải thu về cho vay dài hạn

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu dài hạn khác các bên liên quan | - | 22.200.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ | - | 22.200.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác các bên độc lập | 51.200.000.000 | 43.950.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Tac Paritas ⁽ⁱ⁾ | 51.200.000.000 | 43.950.000.000 |
| Cộng | 51.200.000.000 | 66.150.000.000 |

⁽ⁱ⁾ Chi tiết như sau:

| Khách hàng | Số hợp đồng | Ngày ký | Kỳ hạn | Lãi suất | Giá trị |
|-------------------------------|--|------------|--|----------|-----------------------|
| - Công ty Cổ phần Tac Paritas | Hợp đồng 01/HĐVV/2017/ VĐ-PA ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn số 01 ngày 30/01/2018 và phụ lục 03 ngày 30/12/2022 | 01/02/2017 | Từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/12/2025 | 7%/năm | 51.200.000.000 |
| | | | | | 51.200.000.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.7 Nợ xấu

| | 31/12/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi: | 74.044.065.544 | 17.140.852.405 | 86.310.245.304 | 29.529.344.262 |
| - Từ 03 năm trở lên | 44.130.919.335 | - | 39.559.280.180 | - |
| - Từ 02 đến dưới 03 năm | 811.776.831 | 243.533.050 | 6.791.831.741 | 2.037.543.273 |
| - Từ 01 đến dưới 02 năm | 17.368.196.011 | 8.684.098.000 | 2.397.961.893 | 1.198.980.946 |
| - Dưới 01 năm | 11.733.173.367 | 8.213.221.355 | 37.561.171.490 | 26.292.820.043 |
| Cộng | 74.044.065.544 | 17.140.852.405 | 86.310.245.304 | 29.529.344.262 |

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 56.780.901.042 | 51.381.181.068 |
| Trích lập dự phòng trong năm | 3.538.792.392 | 8.756.382.594 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (2.572.629.134) | (1.289.682.315) |
| Xử lý số dư công nợ lâu năm | (843.851.161) | (2.066.980.305) |
| Số cuối năm | 56.903.213.139 | 56.780.901.042 |

5.8 Hàng tồn kho

| | 31/12/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|-------------|------------------------|--------------------|------------------------|--------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Thành phẩm | 4.610.834.574 | 327.000.000 | 4.128.604.788 | 327.000.000 |
| Hàng hóa | 258.582.932.775 | 219.000.000 | 240.124.476.938 | 271.091.530 |
| Cộng | 263.193.767.349 | 546.000.000 | 244.253.081.726 | 598.091.530 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.9 Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|-----------------------------|---------------------|---------------------|
| - Công cụ, dụng cụ | 29.375.980 | 142.104.088 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | - | 12.860.667 |
| Cộng | 29.375.980 | 154.964.755 |

b. Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|------------------------------|----------------------|---------------------|
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 27.232.559 | 95.635.730 |
| - Chi phí sửa chữa | 821.022.781 | 336.289.238 |
| - Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 344.553.671 | 191.591.669 |
| Cộng | 1.192.809.011 | 623.516.637 |

5.10 Lợi thế thương mại

| | Năm 2021 (VND) | Năm 2020 (VND) |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 4.450.373.367 | 5.340.448.040 |
| Tăng trong năm trước | - | - |
| Phân bổ trong năm | (890.074.673) | (890.074.673) |
| Số cuối năm | 3.560.298.694 | 4.450.373.367 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc (VND) | Máy móc, thiết bị (VND) | Phương tiện vận tải (VND) | Thiết bị dụng cụ quản lý (VND) | Cộng (VND) |
|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| 01/01/2022 | 84.865.536.394 | 10.565.463.788 | 7.993.247.781 | 2.528.033.307 | 105.952.281.270 |
| Mua trong năm | - | 60.383.000 | 1.049.090.909 | - | 1.109.473.909 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 599.920.955 | - | - | - | 599.920.955 |
| 31/12/2022 | 85.465.457.349 | 10.625.846.788 | 9.042.338.690 | 2.528.033.307 | 107.661.676.134 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 12.363.840.089 | 8.777.499.419 | 5.365.107.781 | 2.096.902.143 | 28.603.349.432 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| 01/01/2022 | 38.669.838.732 | 9.302.833.217 | 6.439.392.515 | 2.270.585.191 | 56.682.649.655 |
| Khấu hao trong năm | 6.662.413.943 | 416.158.077 | 379.094.080 | 165.486.988 | 7.623.153.088 |
| 31/12/2022 | 45.332.252.675 | 9.718.991.294 | 6.818.486.595 | 2.436.072.179 | 64.305.802.743 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| 01/01/2022 | 46.195.697.662 | 1.262.630.571 | 1.553.855.266 | 257.448.116 | 49.269.631.615 |
| 31/12/2022 | 40.133.204.674 | 906.855.494 | 2.223.852.095 | 91.961.128 | 43.355.873.391 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất lâu dài (*) (VND) | Quyền sử dụng đất có thời hạn (*) (VND) | Phần mềm vi tính (VND) | Cộng (VND) |
|---------------------------------------|-------------------------------------|---|------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| 01/01/2022 | 18.751.415.355 | 7.726.577.193 | 452.034.723 | 26.930.027.271 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| 31/12/2022 | 18.751.415.355 | 7.726.577.193 | 452.034.723 | 26.930.027.271 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | 298.334.723 | 298.334.723 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| 01/01/2022 | - | 2.492.675.477 | 392.168.601 | 2.884.844.078 |
| Khấu hao trong năm | - | 198.117.360 | 30.740.004 | 228.857.364 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| 31/12/2022 | - | 2.690.792.837 | 422.908.605 | 3.113.701.442 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| 01/01/2022 | 18.751.415.355 | 5.233.901.716 | 59.866.122 | 24.045.183.193 |
| 31/12/2022 | 18.751.415.355 | 5.035.784.356 | 29.126.118 | 23.816.325.829 |

(*) Chi tiết:

Quyền sử dụng đất lâu dài

Thửa đất số 174, 180, 181, 182 tại lô số 174-180-181-182, khu 10, khu đô thị mới Vĩnh Hòa, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

| | Diện tích (m2) | Số tiền (VND) |
|-------------------------------|----------------|-----------------------|
| Quyền sử dụng đất lâu dài | 1.062,40 | 18.751.415.355 |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 8.940,30 | 7.726.577.193 |
| Cộng | | 26.477.992.548 |

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Thửa đất số 338 tại Lô A2-8 đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

Cộng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Các nhà cung cấp là bên liên quan | - | - | 18.532.275 | 18.532.275 |
| - Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ | - | - | 18.532.275 | 18.532.275 |
| Các nhà cung cấp độc lập | 251.807.496.056 | 251.807.496.056 | 230.327.495.235 | 230.327.495.235 |
| - Công ty Moorim P&P Co., LTD Korea | 71.129.354.836 | 71.129.354.836 | 38.908.663.557 | 38.908.663.557 |
| - Công ty Gold East Trading (HK) Ltd | 50.949.364.467 | 50.949.364.467 | 29.868.509.712 | 29.868.509.712 |
| - Công ty NP International (s) Pte. Ltd Japan | 43.745.882.825 | 43.745.882.825 | 39.667.220.669 | 39.667.220.669 |
| - Công ty IPSun (Hong Kong) Trading Limited China | 26.936.111.355 | 26.936.111.355 | - | - |
| - Công ty Cổ Phần Tac Paritas | 20.040.481.490 | 20.040.481.490 | 30.194.896.755 | 30.194.896.755 |
| - Các nhà cung cấp khác | 39.006.301.083 | 39.006.301.083 | 91.688.204.542 | 91.688.204.542 |
| Cộng | 251.807.496.056 | 251.807.496.056 | 230.346.027.510 | 230.346.027.510 |

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Các khách hàng độc lập | 18.413.592.566 | 57.485.911.891 |
| - Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ | 13.535.435.598 | 49.174.227.021 |
| - Báo Tuổi trẻ | 4.625.250.000 | - |
| - Các khách hàng khác | 252.906.968 | 8.311.684.870 |
| Cộng | 18.413.592.566 | 57.485.911.891 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 31/12/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|------------------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | - Thuế giá trị gia tăng | 869.068.688 | 869.068.688 | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.956.663.032 | 1.956.663.032 | 8.155.905.369 | 8.155.905.369 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 42.824.100 | 42.824.100 | 127.396.241 | 127.396.241 |
| - Thuế đất | - | - | 1.046.302.084 | 1.046.302.084 |
| Cộng | 2.868.555.820 | 2.868.555.820 | 9.329.603.694 | 9.329.603.694 |

Quyết toán thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|------------------------------|----------------------|---------------------|
| - Chi phí lãi vay phải trả | 1.071.416.767 | 507.198.024 |
| - Chi phí dịch vụ thuê ngoài | 6.673.362 | 57.000.000 |
| Cộng | 1.078.090.129 | 564.198.024 |

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|---|---------------------|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 324.251.361 | 347.615.512 |
| Bảo hiểm bắt buộc | 18.345.533 | 14.036.786 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 479.820.000 | 479.820.000 |
| Phải trả khác | 141.463.898 | 20.307.297.280 |
| - <i>Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</i> | - | 20.033.400.000 |
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | - | 19.230.400.000 |
| - Ông Bùi Quang Minh | - | 803.000.000 |
| - <i>Phải trả ngắn hạn khác các bên độc lập</i> | 141.463.898 | 273.897.280 |
| - Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 141.463.898 | 273.897.280 |
| Cộng | 963.880.792 | 21.148.769.578 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | 01/01/2022 (VND) | Tăng trong năm (VND) | Giảm trong năm (VND) | 31/12/2022 (VND) |
|--|------------------------|-------------------------|--------------------------|------------------------|
| Vay ngân hàng | 301.825.787.480 | 699.232.029.850 | (654.302.053.050) | 346.755.764.280 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quận 3 ⁽¹⁾ | 233.580.468.588 | 600.819.037.810 | (526.122.047.283) | 308.277.459.115 |
| - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quận 5 ⁽²⁾ | 68.245.318.892 | 98.412.992.040 | (128.180.005.767) | 38.478.305.165 |
| Cộng | 301.825.787.480 | 699.232.029.850 | (654.302.053.050) | 346.755.764.280 |

⁽¹⁾ Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quận 3 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/2317695/HĐTĐ ngày 08/06/2022 với hạn mức vay 600.000.000.000 đồng, trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn và bảo lãnh thanh toán tối đa là 500.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng từ ngày ký hợp đồng, tối đa đến hết ngày 30/06/2023, lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp/cầm cố tài sản là bất động sản, động sản, GTCG của Công ty và/hoặc của bên thứ ba đủ điều kiện thế chấp/cầm cố theo quy định đảm bảo tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 50% tổng dư nợ, bảo lãnh và phát hành L/C tại mọi thời điểm. Đến 31/12/2022, tỷ lệ tài sản bảo đảm đạt tối thiểu là 50%.

⁽²⁾ Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quận 5 theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 201907480016 ngày 24/06/2021 với hạn mức tín dụng là 103.000.000.000 đồng và hạn mức LC trả ngay là 1.500.000,00 USD và theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02/201907480016 ngày 11/07/2022 về thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng đến ngày 11/07/2023, mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất cấp tín dụng trong hạn được quy định trong từng văn kiện tín dụng cụ thể. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là các Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của ông Bùi Quang Mẫn - bà Nguyễn Thị Thu; thế chấp hàng hóa là giấy các loại thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực - giấy nhập khẩu hoặc mua nội địa với sự tài trợ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Quận 5. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 123.413.428.571 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | 01/01/2022 (VND) | Tăng trong năm (VND) | Giảm trong năm (VND) | 31/12/2022 (VND) |
|--|---------------------|-------------------------|-------------------------|----------------------|
| Vay các đối tượng khác | - | 35.290.000.000 | (33.790.000.000) | 1.500.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn hóa Thanh Trúc ⁽¹⁾ | - | 1.500.000.000 | - | 1.500.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | - | 31.800.000.000 | (31.800.000.000) | - |
| - Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Giáo Dục Hoàng Việt | - | 1.990.000.000 | (1.990.000.000) | - |
| Cộng | - | 35.290.000.000 | (33.790.000.000) | 1.500.000.000 |

⁽¹⁾ Khoản vay Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn hóa Thanh Trúc theo Hợp đồng vay vốn số 01.2022/HĐVV ngày 27/11/2022, mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán, sản xuất trong nước, tiêu thụ trong nước dưới dạng giấy cuộn ram...thời hạn 24 tháng kể từ ngày bên B nhận được tiền vay, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, lãi suất 7%/năm.

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 3.019.059.423 | 3.023.393.423 |
| Tăng do trích lập lợi nhuận trong năm | 713.112.613 | 343.929.000 |
| Giảm trong năm | (580.000.000) | (348.263.000) |
| Số dư cuối năm | 3.152.172.036 | 3.019.059.423 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG
 Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.20 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND) | Thặng dư vốn cổ phần (VND) | Vốn khác của chủ sở hữu (VND) | Quỹ đầu tư phát triển (VND) | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (VND) | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND) | Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND) | Cộng (VND) |
|---|---------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------|
| 01/01/2021 | 308.800.700.000 | 3.254.265.000 | 2.967.606.986 | 15.324.659.007 | 105.844.658 | 85.749.955.741 | 101.740.493.931 | 517.943.525.323 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | - | 35.108.151.243 | 29.889.164.419 | 64.997.315.662 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm trước | 46.307.190.000 | - | - | - | - | (46.307.190.000) | - | - |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | (6.898.859.518) | - | - | (31.590.942.600) | (6.898.859.518) |
| Công ty con chia cổ tức | - | - | - | - | - | - | - | (31.590.942.600) |
| Trích quỹ phúc lợi trong năm trước | - | - | - | - | - | (343.929.000) | - | (343.929.000) |
| 31/12/2021 | 355.107.890.000 | 3.254.265.000 | 2.967.606.986 | 8.425.799.489 | 105.844.658 | 74.206.987.984 | 100.038.715.750 | 544.107.109.867 |
| 01/01/2022 | 355.107.890.000 | 3.254.265.000 | 2.967.606.986 | 8.425.799.489 | 105.844.658 | 74.206.987.984 | 100.038.715.750 | 544.107.109.867 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | - | - | 25.956.726.672 | 22.803.846.818 | 48.760.573.490 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay (i) | 53.252.800.000 | - | - | - | - | (53.252.800.000) | - | - |
| Công ty con chia cổ tức | - | - | - | - | - | - | (7.521.653.000) | (7.521.653.000) |
| Trích quỹ phúc lợi trong năm nay (ii) | - | - | - | - | - | (713.112.613) | - | (713.112.613) |
| 31/12/2022 | 408.360.690.000 | 3.254.265.000 | 2.967.606.986 | 8.425.799.489 | 105.844.658 | 46.197.802.043 | 115.320.909.568 | 584.632.917.744 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(i): Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 02.22 NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.

(ii): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 0122BB/VID-ĐHĐCĐ.

Cổ phiếu

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|-------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 40.836.069 | 35.510.789 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 40.836.069 | 35.510.789 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 40.836.069 | 35.510.789 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 40.836.069 | 35.510.789 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 40.836.069 | 35.510.789 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2021 (VND) | Năm 2020 (VND) |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 355.107.890.000 | 308.800.700.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | 53.252.800.000 | 46.307.190.000 |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 408.360.690.000 | 355.107.890.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 53.252.800.000 | 46.307.190.000 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 46.307.190.000 | 28.061.310.000 |

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tổng doanh thu | 1.386.845.828.623 | 1.063.513.531.840 |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 1.083.571.449.796 | 806.327.300.520 |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 296.050.027.339 | 249.756.885.900 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 7.224.351.488 | 7.429.345.420 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | - | - |
| Doanh thu thuần | 1.386.845.828.623 | 1.063.513.531.840 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

| Doanh thu đối với các bên liên quan | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|---|------------------------|------------------------|
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | 111.011.277.187 | 134.146.566.603 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | - | 90.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | 160.899.507.780 | 92.563.400.478 |
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | 5.115.874.939 | 5.372.537.327 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt | 1.375.000 | - |
| Cộng | 277.028.034.906 | 232.172.504.408 |

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|----------------------------------|--------------------------|------------------------|
| - Giá vốn hàng hóa | 983.755.951.506 | 729.322.244.530 |
| - Giá vốn thành phẩm | 269.183.425.650 | 209.541.443.177 |
| - Giá vốn cung cấp dịch vụ | - | - |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (52.091.530) | - |
| Cộng | 1.252.887.285.626 | 938.863.687.707 |

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Lãi tiền gửi ngân hàng | 4.723.415.237 | 6.843.445.752 |
| - Lãi cho vay (i) | 4.118.991.781 | 3.416.197.533 |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia (ii) | 16.630.676.300 | 14.363.307.500 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá | 334.000.747 | 1.159.264.132 |
| - Doanh thu khác | 440.000 | - |
| Cộng | 25.807.524.065 | 25.782.214.917 |

(i) Lãi cho vay cho bên liên quan

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|--|--------------------|-------------------|
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | 715.610.959 | 22.687.671 |
| Cộng | 715.610.959 | 22.687.671 |

(ii) Cổ tức, lợi nhuận được chia từ bên liên quan

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | - | 9.233.294.000 |
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | 8.633.116.800 | 4.196.654.000 |
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô | 933.359.500 | 933.359.500 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt | 7.064.200.000 | - |
| Cộng | 16.630.676.300 | 14.363.307.500 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.4. Chi phí tài chính

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí lãi vay | 16.076.218.284 | 14.808.210.750 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá Cộng | 22.069.342.200 | 2.683.727.349 |
| | 38.145.560.484 | 17.491.938.099 |

6.5. Chi phí bán hàng

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí nhân viên | 1.675.577.557 | 1.567.729.093 |
| - Chi phí thuê kho | 3.114.317.740 | 2.688.723.600 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 20.047.207.874 | 11.744.683.304 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 45.000.000 | - |
| Cộng | 24.882.103.171 | 16.001.135.997 |

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí nhân viên quản lý | 11.941.905.939 | 10.145.440.605 |
| - Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý | 167.776.799 | 116.340.567 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 7.852.010.452 | 7.992.119.577 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 3.758.269.074 | 3.551.076.385 |
| - (Hoàn nhập)/trích chi phí dự phòng | 966.163.258 | 7.466.700.279 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.157.874.520 | 7.688.621.271 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 3.124.957.784 | 3.292.374.690 |
| Cộng | 38.968.957.826 | 40.252.673.374 |

6.7. Thu nhập khác

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|--------------------------------|--------------------|----------------------|
| - Thu nhập từ thanh lý tài sản | - | 118.181.818 |
| - Thu nhập từ xử lý công nợ | 10.375.720 | 4.491.905.221 |
| - Thu tiền chiết khấu | - | 897.462.217 |
| - Thu nhập khác | 249.058.454 | 921.909.091 |
| Cộng | 259.434.174 | 6.429.458.347 |

6.8. Chi phí khác

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|-------------------------------|-------------------|----------------------|
| - Nộp phạt vi phạm hành chính | 29.307.804 | 4.503.658.827 |
| - Chi phí khác | 16.792.974 | 445.529.895 |
| Cộng | 46.100.778 | 4.949.188.722 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Chi phí nhân viên | 291.195.488.857 | 237.677.041.578 |
| - Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng | 9.713.362.137 | 8.883.773.809 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 7.852.010.452 | 7.992.119.577 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 34.368.740.049 | 22.125.737.399 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 6.505.376.770 | 6.384.711.678 |
| Cộng | 349.634.978.265 | 283.063.384.041 |

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Phát sinh tại công ty mẹ | - | - |
| - Phát sinh tại công ty con | 10.234.692.037 | 15.286.419.075 |
| Cộng | 10.234.692.037 | 15.286.419.075 |

6.11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|--|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 25.956.726.672 | 35.108.151.243 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| <i>Quý khen thưởng, phúc lợi</i> | (713.112.613) | (343.929.000) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (713.112.613) | (343.929.000) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 25.243.614.059 | 34.764.222.243 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 37.743.030 | 32.859.227 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 669 | 1.058 |

(* Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc năm tài chính.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|---|-------------------|-------------------|
| Lãi cho vay chưa thu được bằng tiền | 2.750.935.946 | 1.578.554.465 |
| Lãi tiền gửi chưa thu được bằng tiền | 1.418.091.946 | 1.247.956.698 |
| Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán | - | 20.574.588 |
| Chi phí lãi vay chưa trả | - | 507.198.204 |
| Lãi nhập vốn | 129.022.777 | 6.387.032 |
| Cổ tức chưa trả | - | 19.230.400.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

8 THÔNG TIN KHÁC

8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

8.2. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|---|----------------------|----------------------|
| Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc | 832.725.974 | 624.722.830 |
| Ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc | 515.656.152 | 252.680.000 |
| Ông Bùi Quang Khoa - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022) | 44.546.862 | 112.302.598 |
| Bà Nguyễn Thị Thu - Phó Tổng Giám đốc | 272.522.960 | 259.740.232 |
| Thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị | 660.000.000 | 592.500.000 |
| Ông Bùi Quang Mẫn - Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022) | 120.000.000 | 340.500.000 |
| Ông Bùi Quang Khoa – Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022) | 260.000.000 | 49.500.000 |
| Bà Nguyễn Thị Thu - Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022) | 40.000.000 | 99.000.000 |
| Ông Trần Hoàng Nghĩa - Thành viên | 60.000.000 | 49.500.000 |
| Bà Phạm Thị Như Ngọc - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022) | 20.000.000 | 49.500.000 |
| Ông Bùi Quang Minh – Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022) | 80.000.000 | - |
| Ông Phạm Tất Phú – Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022) | 40.000.000 | - |
| Bà Trần Thị Phương Mai – Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022) | 40.000.000 | - |
| Bà Trần Thị Thủy Tiên - Thành viên | - | 4.500.000 |
| Thù lao và thưởng Ban kiểm soát | 132.000.000 | 114.000.000 |
| Bà Lê Thị Minh Giang - Trưởng Ban | 60.000.000 | 51.000.000 |
| Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên | 36.000.000 | 31.500.000 |
| Bà Bùi Thị Ngọc Yến - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022) | 12.000.000 | 31.500.000 |
| Bà Trần Thị Tình – Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022) | 24.000.000 | - |
| Cộng | 1.624.725.974 | 1.331.222.830 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|---------------------------|-------------------|-------------------|
| Ông Bùi Quang Minh | | |
| Mượn tiền | 4.855.800.000 | 1.248.000.000 |
| Trả tiền mượn | 5.658.800.000 | 1.484.459.500 |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Phải thu khác | 685.900.000 | - |
| Phải thu khác | 685.900.000 | - |
| Cộng nợ phải thu | 685.900.000 | - |
| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
| Phải trả khác | - | 803.000.000 |
| Ông Bùi Quang Minh | - | 803.000.000 |
| Cộng nợ phải trả | - | 803.000.000 |

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Nhóm Công ty:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|----------------------------------|
| - Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt | Công ty liên kết |
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | Công ty liên kết |
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | Công ty liên kết |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt | Công ty liên kết |
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | Công ty liên kết |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|---|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | | |
| Bán hàng hóa | 160.899.507.780 | 92.563.400.478 |
| Cổ tức được chia | - | 9.233.294.000 |
| Cổ tức phải trả | 5.494.400.000 | 23.076.480.000 |
| Cổ tức đã chia | 24.724.800.000 | 3.846.080.000 |
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | | |
| Bán hàng | 111.011.277.187 | 134.146.566.603 |
| Cho mượn tiền | - | 5.300.000.000 |
| Thu tiền cho mượn | - | 5.300.000.000 |
| Cổ tức được chia | 933.359.500 | 933.359.500 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt | | |
| Bán hàng | 1.375.000 | - |
| Vay tiền | 1.990.000.000 | - |
| Trả tiền vay | 1.990.000.000 | - |
| Lãi vay | 10.308.219 | - |
| Trả tiền lãi vay | 10.308.219 | - |
| Cổ tức được chia | 7.064.200.000 | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 8.151.000.000 | 10.188.750.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | | |
| Bán hàng | - | 90.000.000 |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | | |
| Bán hàng | 5.115.874.939 | 5.372.537.327 |
| Mua hàng hóa | 324.850.494 | 47.575.165 |
| Vay tiền | 31.800.000.000 | 34.400.000.000 |
| Trả tiền vay | 31.800.000.000 | 42.115.000.000 |
| Lãi vay | 483.287.672 | 790.583.835 |
| Trả tiền lãi vay | 483.287.672 | 1.268.992.602 |
| Cho vay | 2.400.000.000 | 25.500.000.000 |
| Thu nợ vay | 24.600.000.000 | 3.300.000.000 |
| Lãi cho vay | 716.378.082 | 35.287.671 |
| Thu lãi cho vay | 716.378.082 | 35.287.671 |
| Cổ tức được chia | 8.633.116.800 | 4.196.654.000 |
| Cổ tức phải trả | 1.835.253.000 | 7.708.062.600 |
| Cổ tức đã chia | 1.835.253.000 | 7.708.062.600 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Số dư với các bên liên quan:

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | | |
| Phải thu tiền hàng | 29.468.445.806 | 29.468.445.806 |
| Ứng trước tiền hàng | 6.527.395.948 | 6.527.395.948 |
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | | |
| Phải thu tiền hàng | 8.856.600.800 | 5.017.000.000 |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | | |
| Phải thu tiền hàng | 1.320.000.000 | 2.719.227.594 |
| Phải thu tiền cho vay | - | 22.200.000.000 |
| Phải thu lãi tiền cho vay | - | 22.687.671 |
| Cộng nợ phải thu | 46.172.442.554 | 65.954.757.019 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | | |
| Phải trả khác | - | 19.230.400.000 |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | | |
| Phải trả người bán ngắn hạn | - | 18.532.275 |
| Cộng nợ phải trả | - | 19.248.932.275 |

8.3. Công cụ tài chính

Nhóm Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Nhóm Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Nhóm Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Nhóm Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Nhóm Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm (VND) | Từ 1 năm trở lên (VND) | Tổng cộng (VND) |
|-------------------------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------------|
| 31/12/2022 | | | |
| Giá trị ghi sổ: | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 89.742.150.943 | - | 89.742.150.943 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 83.898.807.671 | - | 83.898.807.671 |
| Phải thu khách hàng | 323.602.775.525 | - | 323.602.775.525 |
| Các khoản phải thu khác | 5.391.426.895 | 554.325.000 | 5.945.751.895 |
| Phải thu về cho vay | 5.948.000.000 | 51.200.000.000 | 57.148.000.000 |
| Trừ: | | | |
| Dự phòng | (55.714.880.990) | - | (55.714.880.990) |
| Tổng cộng | 452.868.280.044 | 51.754.325.000 | 504.622.605.044 |
| 31/12/2022 | | | |
| Phải trả cho người bán | 251.807.496.056 | - | 251.807.496.056 |
| Phải trả khác | 963.880.792 | - | 963.880.792 |
| Chi phí phải trả | 1.078.090.129 | - | 1.078.090.129 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 346.755.764.280 | 1.500.000.000 | 348.255.764.280 |
| Tổng cộng | 600.605.231.257 | 1.500.000.000 | 602.105.231.257 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (147.736.951.213) | 50.254.325.000 | (97.482.626.213) |
| 01/01/2022 | | | |
| Giá trị ghi sổ: | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 106.205.414.582 | - | 106.205.414.582 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 71.648.807.671 | - | 71.648.807.671 |
| Phải thu khách hàng | 281.086.142.907 | - | 281.086.142.907 |
| Các khoản phải thu khác | 5.794.064.246 | 300.000.000 | 6.094.064.246 |
| Phải thu về cho vay | 7.674.000.000 | 66.150.000.000 | 73.824.000.000 |
| Trừ: | | | |
| Dự phòng | (55.592.568.893) | - | (55.592.568.893) |
| Tổng cộng | 416.815.860.513 | 66.450.000.000 | 483.265.860.513 |
| 01/01/2022 | | | |
| Phải trả cho người bán | 230.346.027.510 | - | 230.346.027.510 |
| Phải trả khác | 21.148.769.578 | - | 21.148.769.578 |
| Chi phí phải trả | 564.198.024 | - | 564.198.024 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 301.825.787.480 | - | 301.825.787.480 |
| Tổng cộng | 553.884.782.592 | - | 553.884.782.592 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (137.068.922.079) | 66.450.000.000 | (70.618.922.079) |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

- (iv) Giá trị hợp lý
 Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

| | Giá trị kế toán | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 89.742.150.943 | 106.205.414.582 | 89.742.150.943 | 106.205.414.582 |
| Chứng khoán kinh doanh | 83.898.807.671 | 71.648.807.671 | 83.898.807.671 | 71.648.807.671 |
| Phải thu khách hàng | 323.602.775.525 | 281.086.142.907 | 268.017.894.535 | 225.623.574.014 |
| Các khoản phải thu khác | 5.945.751.895 | 6.094.064.246 | 5.815.751.895 | 5.964.064.246 |
| Phải thu về cho vay | 57.148.000.000 | 73.824.000.000 | 57.148.000.000 | 73.824.000.000 |
| Tổng cộng | 560.337.486.034 | 538.858.429.406 | 504.622.605.044 | 483.265.860.513 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 251.807.496.056 | 230.346.027.510 | 251.807.496.056 | 230.346.027.510 |
| Chi phí phải trả | 1.078.090.129 | 564.198.024 | 1.078.090.129 | 564.198.024 |
| Phải trả khác | 963.880.792 | 21.148.769.578 | 963.880.792 | 21.148.769.578 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 348.255.764.280 | 301.825.787.480 | 348.255.764.280 | 301.825.787.480 |
| Tổng cộng | 602.105.231.257 | 553.884.782.592 | 602.105.231.257 | 553.884.782.592 |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.4. Tính hoạt động liên tục của Nhóm Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Nhóm Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

8.5. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại - bán hàng hóa và thành phẩm. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

| | Bán hàng hóa, thành phẩm, vật tư (VND) | Dịch vụ (VND) | Năm 2022 (VND) |
|---|--|----------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần theo bộ phận | 1.379.621.477.135 | 7.224.351.488 | 1.386.845.828.623 |
| Giá vốn hàng bán theo bộ phận | (1.252.887.285.626) | - | (1.252.887.285.626) |
| Lợi nhuận gộp theo bộ phận | 126.734.191.509 | 7.224.351.488 | 133.958.542.997 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (63.851.060.997) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 70.107.482.000 |
| Doanh thu tài chính | | | 25.807.524.065 |
| Chi phí tài chính | | | (38.145.560.484) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | | | 1.012.486.550 |
| Thu nhập khác | | | 259.434.174 |
| Chi phí khác | | | (46.100.778) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (10.234.692.037) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 48.760.573.490 |

8.6. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 Năm 2021 của Nhóm Công ty đã được kiểm toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

8.7. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Công ty đã phát hành 5.325.280 cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02.22/NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 và Nghị quyết 05.22/NQ/VID-HĐQT ngày 24/05/2022 của Hội đồng Quản trị về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021.

Ngày 14/07/2022, Công ty đã thông qua Nghị quyết 07.22/NQ/VID-HĐQT về việc thông báo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo đó số lượng cổ phiếu đã phân phối là 5.325.280 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu lưu hành tăng từ 35.510.789 cổ phiếu lên 40.836.069 cổ phiếu. Vốn điều lệ tăng từ 355.107.890.000 đồng lên 408.360.690.000 đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh trong năm cần được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

8.8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2022) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 23 tháng 03 năm 2023

| | | |
|----------------------|----------------------|----------------|
| NGƯỜI LẬP BIỂU | KẾ TOÁN TRƯỞNG | TỔNG GIÁM ĐỐC |
| | | |
| Nguyễn Thị Thủy Tiên | Nguyễn Thị Thủy Tiên | Bùi Quang Minh |

(Note: The signature of the Chairman, Bùi Quang Minh, is stamped with a red circular seal of the company.)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Bùi Quang Khoa